



**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẢN TRÚA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01- THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số: 213 /QĐ - UBND, ngày 11. tháng 1 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH LƯƠNG								
1	Lường Thị Thuỷ	2019	Lò Thị Kẹo	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
2	Hoàng Vũ Huy Hoàng	2019	Vũ Quý Hạnh	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
3	Vì Nhật Tân	2019	Vì Trung Tính	160.000	Hộ nghèo	5	800	
4	Vì Hương Giang	2019	Vì Thị Phong	160.000	Hộ nghèo	5	800	
5	Lò Nhật Nam	2019	Lường Thị Đông Phương	160.000	Cận nghèo	5	800	
6	Cà Thị Hồng Huệ	2019	Lò Thị Chính	160.000	Cận nghèo	5	800	
7	Mùa Tuệ Lâm	2019	Thào Thị Sĩa	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
8	Lò Thị Duyên	2020	Lò Thị Thương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
9	Đặng Minh Khang	2020	Đặng Đức Thụ	160.000	Cận nghèo	5	800	
10	Lò Hải Đăng	2021	Lò Thị Ninh	160.000	Cận nghèo	5	800	
11	Lường Ngọc Ly	2021	Lường Thị Ánh	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
12	Lò Minh Khuê	2021	Lò Văn Sơn	160.000	Hộ nghèo	5	800	
13	Đỗ Anh Đức	2021	Đỗ Thị Yến	160.000	Xã ĐBKK	5	800	

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số 44/S /QĐ - UBND, ngày 22.0 tháng 02 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH HƯNG								
1	Lò Thị Thảo Vân	2019	Lò Thị Huệ	160.000	Cận nghèo	5	800	
2	Phạm Vy Bảo Hân	2019	Phạm Tiến Quân	160.000	Khuyết tật	5	800	
3	Lò Ngọc Nhi	2019	Lò Thị Hiền	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
4	Tòng Thanh Tú	2019	Quảng Thị Mai	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
5	Phạm Mai Linh	2019	Phạm Thanh Tâm	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
6	Vì Bảo Minh	2019	Lương Thị Dịu	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
7	Vũ Bảo An	2020	Tòng Thị Tới	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
8	Cả Ánh Dương	2020	Cả Văn Thủy	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
9	Nguyễn Lò Ngọc Hà	2020	Lò Thị Thu	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
10	Quảng Thị Khánh Ngọc	2020	Quảng Văn Phương	160.000	Khuyết tật	5	800	
11	Nguyễn Duy Đạt	2020	Nguyễn Văn Lương	160.000	Hộ cận Nghèo	5	800	
12	Phạm Vũ Hoàng Hải	2020	Vũ Thị Lưu	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
13	Đỗ Gia Hưng	2019	Đỗ Kim Diệp	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
14	Tòng Mạnh Tùng	2020	Lò Thị Minh	160.000	Khuyết tật	5	800	
15	Tòng Hải Đăng	2020	Lù Thị Ính	160.000	Hộ cận Nghèo	5	800	
16	Nguyễn Hoài An	2020	Lò Thị Ngân	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
17	Nguyễn Bình An	2020	Lò Thị Ngân	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
18	Lại Thanh Trúc	2020	Bùi Thị Lâm	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	
19	Lò Hoài Nam	2021	Lò Thị Thơm	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
20	Lò Khánh Quỳnh	2021	Lò Thị Tiên	160.000	Hộ cận Nghèo	5	800	
21	Vì Minh Anh	2021	Quảng Thị Yêu	160.000	Hộ cận Nghèo	5	800	
22	Phạm Mai Anh	2021	Phạm Thanh Tâm	160.000	Thôn/bản hoặc xã ĐBK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020
THÁNG 01 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213. /QĐ -UBND, ngày 22 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH CHẤN								
1	Tông Thị Kim Nhung	27/05/2019	Lò Thị Ánh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
2	Lò Thị Thảo Vân	20/04/2019	Quảng Thị Thắm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
3	Lường Thị Hồng Tâm	13/01/2019	Quảng Thị Thư	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Nông Thị Ánh Huyền	09/04/2019	Lò Thị Thanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Nông Ngọc Uy Vũ	27/08/2019	Nông Ngọc Vĩnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Cà Duy Hoàng	08/12/2019	Lò Thị Tuyết	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Hoàng Cẩm Lan	30/07/2019	Hoàng Văn Nam	160.000	Hộ nghèo	5	800	
8	Cà Thị Quỳnh Anh	01/01/2019	Lò Thị Lan	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Quảng Thị Diệp Anh	20/10/2019	Tòng Thị Hải	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Tòng Tiến Dũng	18/12/2019	Quảng Thị Hoa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Cà Minh Quang	28/01/2020	Cà Đồng Tiến	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Nông Tuấn Kiệt	23/12/2020	Nông Ngọc Vĩnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Lò Văn Nhiệm	18/01/2020	Lò Văn San	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Vì Thị Thu Hà	27/9/2020	Vì Văn Sơn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Cà Mạnh Hùng	01/12/2020	Quảng Thị Thương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Đình Thị Hoài Thương	04/8/2020	Lò Thị Hiền	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	4	640	
17	Cà Ngọc Ánh	14/11/2020	Lường Thị Diễm	160.000	Hộ nghèo	5	800	

18	Lương Văn Thương	12/11/2020	Tòng Thị Phong	160.000	Hộ nghèo	5	800	
19	Đieu Bảo Quyên	03/05/2021	Lò Văn Hóa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
20	Tòng Thiên Phú	19/12/2021	Tòng Thị Thanh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
21	Quàng Thị Hương Ly	22/01/2021	Quàng Thị Thắm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Lương Thị Thanh Trúc	26/01/2021	Lương Thị Hoa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
23	Tòng Minh Khôi	09/08/2021	Tòng Văn Duyên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
24	Cà Thị Thu Huyền	23/04/2021	Lò Thị Thiết	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
25	Phạm Hồng Nhung	13/10/2021	Hà Thị Xuân	160.000	Hộ nghèo	5	800	
26	Nguyễn Như Ngọc	12/05/2021	Khoàng Thị Nội	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01- THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213 /QĐ -UBND, ngày 22 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH NÚA								
1	Tòng Khải An	2019	Ngân Thị Nguyệt Nga	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
2	Hà Nam Phong	2019	Hà Văn Chiềng	160.000	Bản đặc biệt khó khăn	5	800	
3	Cà Tuấn Khải	2019	Lò Thị Thảo	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
4	Lò Thị Khánh Chi	2019	Lường Thị Thủy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
5	Cà Việt Anh	2019	Lò Thị Mai Xinh	160.000	Xã KV3	5	800	
6	Lường T Bảo Ngư	2019	Lò Thị Chân	160.000	BĐBKK	5	800	
7	Lò Thị Thu Nhân	2019	Lò Văn Hùng	160.000	BĐBKK	5	800	
8	Lò Ngọc Ánh Dương	2019	Lò Văn Ôn	160.000	BĐBKK	5	800	
9	Lò Minh Khôi	2019	Lò Thị Hiền	160.000	BĐBKK	5	800	
10	Lò Cẩm Diệp	2019	Lò Thị Thảo	160.000	BĐBKK	5	800	
11	Lò Đức Phúc	2019	Quảng Thị Diên	160.000	BĐBKK	5	800	
12	Vì An Na Trà My	2019	Lò Thị Phong	160.000	BĐBKK	5	800	
13	Quảng Tuấn Du	2019	Lò Thị Phương	160.000	BĐBKK	5	800	
14	Vì Quốc Việt	2019	Vì Văn Vãn	160.000	BĐBKK	5	800	
15	Lò Thanh Mai	2019	Lò Thị Vi	160.000	Xã KV3	5	800	
16	Hà Khánh Vãn	2020	Hà Văn Chiềng	160.000	ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
17	Lò Minh Khôi	2020	Lò Thị Tên (Bà ngoại)	160.000	BĐBKK	5	800	
18	Lò Ngọc Linh	2021	Quảng Thị Diên	160.000	BĐBKK	5	800	
19	Quảng Minh Trang	2021	Quảng Thu Thảo	160.000	Xã KV3	5	800	
20	Lò Ngọc Tuấn Vĩ	2021	Lương Thị Tiên	160.000	Xã KV3	5	800	
21	Lương Văn Hoàng	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Lò Minh Huệ	2021	Lò Thị Vi	160.000	Xã KV3	5	800	
23	Lò Thanh Trúc	2021	Lương Ngọc Ánh	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
24	Phạm Chấn Hưng	2021	Lò Thị Hương	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
25	Lò Việt Hưng	2021	Lò Thị Chiến	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
26	Lò Anh Mạnh	2022	Lò Thị Phương Trang	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
27	Vĩ Thị Ngọc Uyên	2020	Vĩ Văn Thuận	160.000	ĐBKK	5	800	
28	Quảng T Khánh An	2020	Lương Thị Thu	160.000	ĐBKK	5	800	
29	Quảng Phúc Hưng	2020	Lò Thị Kiên	160.000	ĐBKK	5	800	
30	Lò Nhật Vương	2020	Cầm Thị Hiền	160.000	ĐBKK	5	800	
31	Lò Đức Dương	2020	Lương Thị Thêm	160.000	ĐBKK	5	800	
32	Lương Minh Thư	2020	Lò Thị Mai	160.000	Xã khu vực III	5	800	
33	Quảng Minh Khải	2021	Quảng Thị Hồng	160.000	ĐBKK	5	800	
34	Cà Nhật Minh	2021	Quảng Thị Yên	160.000	ĐBKK	5	800	
35	Lò Quỳnh Trang	2021	Lý Thị Hạc	160.000	ĐBKK	5	800	
36	Vĩ Bích Trân Anh	2021	Lò Thị Loan	160.000	ĐBKK	5	800	
37	Lò Gia Hưng	2021	Lò Thị Tiết	160.000	ĐBKK	5	800	



PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẢN TRƯẢ THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 2.13. /QĐ -UBND, ngày 22.0 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN								
1	Quảng Duy Khang	2019	Lường Thị Tươi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
2	Lò Thị Thùy Dương	2019	Lò Thị Mến	160.000	TBĐBKK	5	800	
3	Lường Hải Yên	2019	Lò Thị Ngoan	160.000	TBĐBKK	5	800	
4	Lò Tuấn Anh	2019	Lò Thị Dương	160.000	TBĐBKK	5	800	
5	Quảng Thị Kiều Oanh	2019	Quảng Văn Ngọc	160.000	TBĐBKK	5	800	
6	Lò Công Luận	2019	Lò Thị Vân	160.000	TBĐBKK	5	800	
7	Lò Thị Phương Vy	2019	Lường Thị Ngọc	160.000	TBĐBKK	5	800	
8	Lò Hà Nhã Uyên	2019	Lò Thị Xuân	160.000	TBĐBKK	5	800	
9	Lường Anh Dũng	2019	Vì Thị Hồng	160.000	TBĐBKK	5	800	
10	Lò Mạnh Quyền	2019	Lò Thị Dung	160.000	TBĐBKK	5	800	
11	Lò Thu Huyền	2019	Lò Thị Bích	160.000	TBĐBKK	5	800	
12	Nguyễn Minh Khang	2019	Lò Thị Thon	160.000	TBĐBKK	5	800	
13	Lò Trung Kiên	2019	Lò Thị Mến	160.000	Cận Nghèo	5	800	
14	Hà Anh Hiếu	2020	Lò Thị Minh Hằng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
15	Lò Mạnh Hào	2020	Lò Văn Lai	160.000	TBĐBKK	5	800	
16	Lò Phương Anh	2020	Lò Văn Tiến	160.000	TBĐBKK	5	800	
17	Lò Bảo Khang	2020	Lò Thị Thu Trung	160.000	TBĐBKK	5	800	
18	Nguyễn Bảo Anh	2020	Nguyễn Thị Bình	160.000	TBĐBKK	5	800	
19	Nguyễn Trà My	2020	Lò Thị Xiên	160.000	TBĐBKK	5	800	
20	Lường Ngọc Diệp	2020	Vì Thị Ánh	160.000	TBĐBKK	5	800	
21	Triệu Phúc Đại	2020	Lò Thị Thoa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Lường Thị Ngọc Quyền	2020	Lường Văn Toàn	160.000	Cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
23	Trần Thị Thảo Vy	2020	Ngô Thị Tô	160.000	TBDBKK	5	800	
24	Lò Thị Phương Anh	2020	Lò Văn Tươi	160.000	TBDBKK	5	800	
25	Lò Hoàng Diệu Hân	2020	Lò Văn Sinh	160.000	TBDBKK	5	800	
26	Lương Ngọc Thái	2020	Lương Văn Quyết	160.000	TBDBKK	5	800	
27	Lương Quỳnh Anh	2020	Lương Văn Kiên	160.000	TBDBKK	5	800	
28	Lò Như Quỳnh	2020	Lò Thị Thắm	160.000	TBDBKK	5	800	
29	Lò Đăng Khoa	2020	Lò Văn Chính	160.000	TBDBKK	5	800	
30	Lò Thị Thanh Trúc	2020	Lò Văn Toản	160.000	TBDBKK	5	800	
31	Lò Thuỳ Dương	2020	Ngô Thị Thanh Mơ	160.000	TBDBKK	5	800	
32	Lương Trung Thành	2021	Lương Văn Định	160.000	TBDBKK	5	800	
33	Lò Thị An Nhiên	2021	Lò Thị Nguyên	160.000	TBDBKK	5	800	
34	Quảng Đức Huy	2021	Cà Thị Yên	160.000	TBDBKK	5	800	
35	Lò Cẩm Trung Kiên	2021	Lò Văn Dũng	160.000	TBDBKK	5	800	
36	Lò Bảo Châu	2021	Lò Văn Xiên	160.000	TBDBKK	5	800	
37	Lò Thảo Vy	2021	Lò Văn Hưng	160.000	Khuyết tật	5	800	
38	Nguyễn Quang Huy	2021	Lò Thị Hồng	160.000	TBDBKK	5	800	
39	Lò Thị Khánh Ly	2021	Lò Thị Bích	160.000	TBDBKK	5	800	
40	Quảng Thị Minh Anh	2021	Quảng Thị Thich	160.000	Hộ nghèo	5	800	
41	Lương Bích Ngọc	2021	Lò Thị Phương	160.000	Cận nghèo	5	800	
42	Lò Xuân Trường	2021	Lò Thị Thương	160.000	TBDBKK	5	800	
43	Ngọc Anh Thu	2021	Lương Thị Lan	160.000	TBDBKK	5	800	
44	Quảng Quang Khải	2021	Quảng Thị Thắm	160.000	Khuyết tật	5	800	
45	Quảng Lò Đăng Khôi	2021	Lò Thị Tâm	160.000	TBDBKK	5	800	

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỪA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 THÁNG 05 NĂM 2025**



(Kèm theo QĐ số: 244 /QĐ -UBND, ngày 24.4 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
	TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH YÊN							
1	Nguyễn Gia Hân	2019	Nguyễn Thị Thắm	160.000	Xã KV III	5	800	
2	Phạm Bá Huy	2019	Phạm Bá Cường	160.000	Xã KV III	5	800	
3	Đông Gia Bảo	2020	Đông Văn Hà	160.000	Hộ nghèo	5	800	
4	Nguyễn Đức Gia Hưng	2020	Nguyễn Thị Thắm	160.000	Xã KV III	5	800	
5	Nguyễn Phúc Trường	2020	Nguyễn Thị Mai	160.000	Cận nghèo	5	800	
6	Trần Bảo Nam	2021	Nguyễn Thị Nhân	160.000	Cận nghèo	5	800	
7	Lò Gia Linh	2021	Bùi Thị Hằng	160.000	TĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP

NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213/QĐ-UBND, ngày 22/10/2020 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH XƯƠNG								
1	Bùi Thảo Chi	2019	Bùi Liêm Phong	160.000	KV ĐBKK	5	800	
2	Bùi Ngọc Nhi	2019	Nguyễn Thị Hạnh	160.000	Khuyết tật	5	800	
3	Bùi Hạnh Nhi	2019	Nguyễn Thị Hạnh	160.000	Khuyết tật	5	800	
4	Trần Minh Trí	2019	Nông Thị Tâm	160.000	KV ĐBKK	5	800	
5	Đào Minh Khang	2019	Đào Văn Tuấn	160.000	KV ĐBKK	5	800	
6	Cà Thị Cẩm Anh	2020	Cà Văn Lan	160.000	KV ĐBKK	5	800	
7	Lò Thị Ánh Hồng	2020	Cà Thị Thích	160.000	Hộ nghèo	5	800	
8	Quảng Anh Thái	2020	Lò Thị Hồng	160.000	KV ĐBKK	5	800	
9	Lò Minh Hoàng	2020	Lò Thị Diên	160.000	KV ĐBKK	5	800	
10	Vị Thị Hải Âu	2020	Vị Văn Thương	160.000	KV ĐBKK	5	800	
11	Sùng Trung Kiên	2020	Sùng A Nhè	160.000	KV ĐBKK	5	800	
12	Thào Ngọc Huy	2021	Thào A Pó	160.000	KV ĐBKK	5	800	
13	Hoàng Trần Thanh Thu	2021	Hoàng Trần Thu Thủy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
14	Lò Thị Tuệ Lâm	2021	Lò Văn Kiểm	160.000	KV ĐBKK	5	800	
15	Đặng Minh Khang	2021	Nguyễn Thị Như Nguyệt	160.000	KV ĐBKK	5	800	
16	Lò Hải Đăng	2020	Lò Thị Thiên	160.000	TB ĐBKK	5	800	
17	Lò Thị Thu Hà	2020	Lường Thị Hồng	160.000	KV ĐBKK	5	800	
18	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	2019	Lường Thị Thu	160.000	KV ĐBKK	5	800	
19	Lò Vương Quốc	2021	Quảng Thị Chiêng	160.000	KV ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1- THÁNG 5 NĂM 2025

(Kam theo QĐ số: 1234 /QĐ - UBND, ngày 22. tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng cuối năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH AN								
1	Tòng Đức Mạnh	2019	Tòng Thị Đới	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
2	Lò Thị Hoài An	2019	Lò Thị Phương	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
3	Bùi Minh Nhật	2019	Bùi Văn Kiên	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
4	Tòng Tấn Hào	2019	Lò Thị Tiên	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
5	Tòng Thị Phương Uyên	2019	Lò Thị Xuân	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
6	Vì Thị Như Quỳnh	2019	Quảng Thị Hương	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
7	Cà Gia Hân	2019	Lò Thị Kiên	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
8	Lường Minh Đạt	2019	Lò Thị Khánh	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
9	Cà Bảo Cúc	2019	Lò Thị Loan	160.000	Hộ nghèo	5	800	
10	Lò Văn Hoàng	2019	Lò Văn Nam	160.000	Hộ nghèo	5	800	
11	Quảng Gia Nghĩa	2019	Quảng Văn Hương	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
12	Quảng Thị Thúy Mai	2019	Lò Thị Mỹ	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
13	Lò Thanh Nhân	2020	Cà Thị Hinh	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
14	Quảng Chí Kiệt	2020	Quảng Thị Khuyên	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
15	Lường Anh Khôi	2020	Lò Thị Chanh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
16	Lò Mạnh Quân	2020	Lò Văn Toàn	160.000	Thôn bản ĐB - KK	5	800	
17	Lò Như Quỳnh	2020	Lò Minh Sáng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
18	Lò Thanh Vân	2020	Lò Thị Lan	160.000	Cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng cuối năm 2025	Ghi chú
19	Lò Kim Ngân	2021	Lò Thị Phương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
20	Khoàng Anh Tuấn	2021	Lò Thị Hà	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
21	Lò Thu Hoài	2021	Quảng Thị Hương	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
22	Quảng Nguyên Quế	2021	Lò Thị Tâm	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
23	Lò Thị Linh Chi	2021	Cà Thị Lai	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
24	Tòng Thị Anh Thư	2021	Tòng Văn Thuận	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
25	Lò Tuấn Huy	2021	Cà Thị Chính	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
26	Tòng Thị Gia Hân	2021	Cà Thị Thư	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
27	Lò Đào Quỳnh Hương	2021	Lò Thị Nga	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
28	Lò Thị Thanh Mai	2021	Lò Thị Hương	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
29	Nguyễn Minh Anh	2021	Lương Thị Oanh	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
30	Thùng Duy Khải	2020	Đieu Thị Lệ	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
31	Quảng Mạnh Quân	2020	Lương Thị Lan	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
32	Lò Hồng Quyên	2020	Lương Thị Nam	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
33	Là Thị An Nhiên	2020	Tòng Thị Oanh	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
34	Lò Thị Trang Kiều	2020	Cà Thị Hiền	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
35	Lương Thị Phương Anh	2020	Lò Thị Khánh	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
36	Tòng Kiều Oanh	2020	Lương Thị Thảo	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
37	Lò Đình San	2020	Lò Thị Nhung	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
38	Cà Duy Thọ	2020	Lương Thị Chính	160.000	Thôn bản DB - KK	5	800	
39	Hoàng Thị Ngọc Ánh	2020	Hoàng Văn Lực	160.000	Hộ nghèo	5	800	
40	Hoàng Thị Ánh Ngọc	2020	Hoàng Văn Lực	160.000	Hộ nghèo	5	800	
41	Quảng Thị Hoài My	2020	Cà Thị Ưng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
42	Lê Hoàng Bảo Long	2020	Lê Văn Thiệp	160.000	Cận nghèo	5	800	
43	Lò Đức Giang	2020	Lò Thị Hoa	160.000	Cận Nghèo	5	800	



PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRÚA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 41/3. /QĐ -UBND, ngày 4/1/2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng								
TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ POM LÓT								
1	Trần Ngọc Hoa	2019	Đỗ Thị Hà	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
2	Lò Thanh Mẫn	2019	Lò Văn Thắng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Lường Hồng Diệp	2019	Lường Văn Toàn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Quảng Thái Bảo	2019	Quảng Thị Chang	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Lò Thị Hà Vy	2019	Lò Thị Anh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Lò Thị Bảo Trang	2019	Vì Thị Té	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Lò Gia Bảo	2019	Lò Văn Tâm	160.000	ĐBKK	5	800	
8	Nguyễn Văn Như	2020	Vì Thị Hương Chanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Quảng Gia Hân	2020	Tòng Thị Lan Anh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Lường Thị Nhã Uyên	2020	Lò Thị Nhâm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
11	Lù Linh San	2020	Lò Thị Định	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Lò Thảo Nhi	2020	Quảng Thị Nhung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Lường Hai Nguyên	2021	Lò Thị Muội	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Nguyễn Minh Khoa	2021	Lò Thị Diên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
15	Lò Thanh Trà	2021	Quảng Thị Thắm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
16	Lò Thị Như Quỳnh	2021	Lò Thị Biên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
17	Lò Thị An Nhiên	2021	Cà Thị Thủy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
18	Cà Thị Khánh Ngân	2021	Quảng Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
19	Lò Thu Chi	2019	Lò Thị Tươi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
20	Lò Thị Triệu Vy	2019	Lò Thị Vân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
21	Lường Duy Trọng	2019	Quảng Thị Thương	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
22	Nguyễn Uy Vũ	2019	Lò Thị Vui	160.000	Hộ Cận nghèo	5	800	
23	Cà Ngọc Mai	2019	Lò Thị Nga	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
24	Quảng Thị Thúy Ngân	2019	Lò Thị Diên	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
25	Nguyễn Nhật Nam	2019	Nguyễn Đức Ngọc	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
26	Nguyễn Lâm Phong Vũ	2019	Nguyễn Quang Lâm	160.000	Khuyết tật	5	800	
27	Trần Hà Vy	2020	Vương Thị Tươi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
28	Phạm Nguyễn Bảo Lâm	2020	Phạm Đức Thiện	160.000	Hộ Cận nghèo	5	800	
29	Đỗ Kỳ Anh	2021	Ngô Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
30	Vì Thiên Ân	2021	Vì Văn Tuấn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
31	Cà Thị Bích Phượng	2021	Cà Văn Sơn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
32	Mua Minh Khang	2021	Mùa Thị Nhung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
33	Cà Trí Anh	2021	Cà Thị Tiên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
34	Lò Quang Hào	2021	Lò Thị Tâm	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
35	Quảng Thị Tú Uyên	2021	Cà Thị Hòa	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
36	Lù Ngọc Uyên	2020	Lường Thị Diên	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
37	Quảng Anh Thư	2020	Quảng Thị Xuân	160.000	Hộ nghèo	5	800	
38	Hứa Vũ Như Quỳnh	2020	Vũ Thị Hà	160.000	Hộ nghèo	5	800	
39	Nguyễn Khánh Quỳnh	2020	Nguyễn Tuấn Linh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
40	Lương Minh An	2020	Đoàn Thị Ngọc	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết số: 213./QĐ-UBND, ngày 21/9 tháng 9 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NÚA NGAM								
1	Lò Thị Nguyệt	2019	Lò Văn Tiên	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
2	Lò Khánh Đạt	2019	Lò Văn Khoa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
3	Vũ Khánh Duy	2019	Vũ Văn Toán	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
4	Lò Đức Long	2019	Lò Văn Hùng	160.000	Cận Nghèo	5	800	
5	Lò Thị Thu Hiền	2019	Lò Văn Phong	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
6	Lò Anh Thiều	2019	Lò Thị Dung	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
7	Lò Minh Khang	2019	Lò Thị Phương Nhung	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
8	Nguyễn Minh Quân	2019	Nguyễn Văn Cương	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
9	Hà Gia Bảo	2019	Quảng Thị Kkhanh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
10	Lò Anh Đô	2020	Lò Văn Hải	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
11	Lò Minh Châu	2020	Lò Văn Thi	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
12	Lò Ngọc Diệp	2020	Lò Văn Hiệp	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
13	Lò T Thanh Trúc	2020	Lò Thị Hồng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
14	Lò Gia Khánh	2020	Lò Thị Tiên	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
15	Lò Thị Mai Nhi	2020	Lò Thị Tiên	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
16	Lường Văn Đức	2020	Lò Thị Hóa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
17	Toán Ngọc Thái Hà Nhi	2020	Lường Thị Hoài	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
18	Toán Ngọc Thái Hà Chi	2020	Lường Thị Hoài	160.000	Bán ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối	Ghi chú
19	Lò Thị Phương Thủy	2020	Lò Thị Lành	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
20	Nguyễn Minh Nhật	2020	Nguyễn Văn Cương	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
21	Quảng anh Tùng	2020	Quảng Văn Sâm	160.000	Cận nghèo	5	800	
22	Tạ Hoàng Gia Linh	2021	Lò Thị Mai	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
23	Quảng Tuấn Anh	2021	Quảng Văn Phương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
24	Quảng Minh Đức	2021	Quảng Văn Hoa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
25	Vũ Phương Nga	2021	Vũ Văn Việt	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
26	Lò Bảo Tiến	2021	Lò Văn Hiệp	160.000	Cận nghèo	5	800	
27	Lò Phương Trần	2021	Lò Thị Chiêng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
28	Lương Việt Khang	2021	Lương Văn Hùng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
29	Lò Việt Hoàng	2021	Lò Văn Sâu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
30	Sùng Minh Quân	2021	Sùng A Minh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
31	Lò Thị Triệu Mẫn	2021	Lò Văn Dũng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
32	Giảng Thị Mai Chính	2019	Giảng A Dừa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
33	Vàng Thị Cú	2019	Vàng A Hù	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
34	Giảng Quốc Cường	2019	Vàng Thị Ly	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
35	Giảng Mạnh Cường	2019	Giảng A Ly	160.000	Hộ nghèo	5	800	
36	Giảng Sinh Hùng	2019	Giảng A Lầu	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
37	Vàng Thị Mai Hương	2019	Vàng Thị Chá	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
38	Vàng Thị Mỹ	2019	Vàng A Hải	160.000	hộ nghèo	5	800	
39	Giảng Đông Nam	2019	Giảng A Tú	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
40	Giảng Seo Phử	2019	Giảng A Chá	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
41	Vừ A Sơn	2019	Vừ A Lầu	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
42	Giảng Công Viên	2019	Giảng A Chừ	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
43	Giảng Thị Ánh Tuyết	2019	Giảng A Dénh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
44	Giảng Phương Vy	2019	Giảng A Sá	160.000	Bán ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối	Ghi chú
45	Giàng A Dũng	2020	Giàng Thị Mỹ	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
46	Vàng Thị Lia	2020	Mùa Thị Khua	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
47	Mùa Thị Thùy Linh	2020	Mùa A Tỷ	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
48	Giàng Ngọc Long	2020	Giàng A Ka	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
49	Giàng Bảo Long	2020	Giàng A Sá	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
50	Giàng Thị Hoa Mai	2020	Giàng A Từa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
51	Giàng A Quý	2020	Giàng A Đông	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
52	Giàng A Sáu	2020	Vừ Thị Giàng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
53	Vừ A Sơn	2020	Vừ Thị Pà	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
54	Giàng Huyền Trang	2020	Giàng A Dénh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
55	Vàng A Minh	2020	Vàng A Dơ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
56	Giàng Diệu Linh	2021	Giàng A Mạnh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
57	Giàng Thị Yến	2021	Giàng A Lầu	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
58	Vừ Minh Thương	2021	Vừ A Lầu	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
59	Mùa Gi Trung	2021	Vàng Thị Cúa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
60	Giàng Mạnh Hưng	2021	Giàng A Chá	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
61	Vàng Phương Mai	2021	Vàng A Hải	160.000	Hộ nghèo	5	800	
62	Vàng A Hải (Nhịa)	2021	Vàng A Hù	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
63	Giàng Thị Linh	2021	Giàng Thị Chi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
64	Mùa T Phương Linh	2019	Mùa Thị Dúa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
65	Ly Tiến Sỹ	2020	Ly A Chênh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
66	Giàng Duy Mạnh	2020	Giàng A Tro	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
67	Ly T. Phương Chí	2020	Ly A Chổng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
68	Ly A Sơn	2020	Ly A Sò	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
69	Ly Hoàng Chính	2020	Ly A Hờ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
70	Giàng A Chung	2020	Vừ Thị Tồng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối	Ghi chú
71	Ly Trung Kiên	2020	Vàng Thị Tổng (Bà ngoại)	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
72	Mùa T Xuân Na	2020	Mùa Thị Dúa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
73	Giàng T Phi Phương	2020	Giàng A Sếnh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
74	Giàng Thu Thượng	2021	Giàng A Vừ	160.000	Hộ nGhèo	5	800	
75	Ly Thị Xuân Mong	2021	Giàng Thị Vừ	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
76	Giàng T Thảo My	2021	Giàng A Thỉnh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
77	Ly Thị Tuyết Nhung	2021	Ly A Hồng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
78	Ly T Linh Chi	2021	Ly A Chênh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
79	Vừ A Phổng	2021	Vừ Thị Tông	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
80	Giàng Gia Bảo	2021	Ly Thị Phái	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
81	Ly Thị Thúy Ý	2019	Ly A Chổng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
82	Giàng Thị Mai Xinh	2020	Giàng A Tủa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
83	Giàng Thị Mai Dung	2021	Giàng A Sò	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
84	Giàng Đức Tuấn	2021	Giàng Sô Nhia	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
85	Giàng Mạnh Cường	2021	Giàng A Thu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
86	Lò Lường Ngọc Diệp	2019	Lò Văn Tuấn	160.000	Cận Nghèo	5	800	
87	Lò Huy Chương	2019	Lò Văn Hạnh	160.000	Cận nghèo	5	800	
88	Lò Văn Đình Nguyên	2020	Lò Văn Bình	160.000	Cận Nghèo	5	800	
89	Lường Thiên Phú	2020	Lường Văn Són	160.000	Cận Nghèo	5	800	
90	Lò Nhật Long	2021	Lò Thị Cương	160.000	Bán khó khăn	5	800	
91	Vì Minh Vũ	2021	Vì Văn Trường	160.000	Cận Nghèo	5	800	
92	Vì Hải Đăng	2019	Vì Thị Hiền	160.000	Hộ nghèo	5	800	
93	Quảng Thị Quỳnh Anh	2019	Quảng Văn Thành	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
94	Lò Thị Bích Dân	2019	Lò Văn Hiên	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
95	Lò Bích Năm	2019	Lò Văn Văn	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
96	Lò Thị Như Ngọc	2019	Lò Văn Viên	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối	Ghi chú
97	Lò Sơn Tùng	2019	Lò Thị Kẹo	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
98	Lò Minh Đức	2019	Lò Văn Hưng	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
99	Lò Tuấn Kiệt	2019	Lò Thị Nội	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
100	Lò Thị Thu Ngân	2019	Lò Văn Hiệp	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
101	Lò Gia Hưng	2020	Quảng Thị Hòa	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
102	Quảng Thị Mai lan	2020	Lò Văn Thành	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
103	Lò Thị Thu Ngọc	2020	Lò Văn Nội	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
104	Lò Văn Hồng	2020	Lò Văn Khiêm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
105	Lò Anh Tuấn	2021	Lò Văn Viên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
106	Lò Thị Thùy Linh	2021	Lò Văn Điện	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
107	Lò Minh Đăng	2021	Lò Văn Nội	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
108	Lò Gia Bảo	2021	Lò Thị Đối	160.000	Bán ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRÚA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 213/QĐ-UBND, ngày 21/3/2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CÔNG CHẤT XÃ NOONG HẾT								
1	Trần Đăng Khởi	MGL B	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
2	Trần Nguyên Bảo Vươn	MGL B	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
3	Lê Đỗ Gia Khánh	MGL B	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
4	Lò Minh Ngọc	MGL B	2019	160.000	Cận nghèo	5	800	
5	Phương Ánh Dương	MGL A	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
6	Trần Anh Thu	MGL A	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
7	Trần Anh Thư	MGL A	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
8	Trần Thị Ngân Hà	MGL A	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
9	Phạm Thùy Dương	MGL A	2019	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
10	Quảng Việt Hà	MGL A	2019	160.000	Hộ nghèo	5	800	
11	Lò Bảo Huy	MGL A	2019	160.000	Cận nghèo	5	800	
12	Quảng Bảo Duy	MGN A	2020	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
13	Lò Tuấn Kiệt	MGN A	2020	160.000	Cận nghèo	5	800	
14	Lò Thùy Chi	MGB B	2021	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
15	Trần Công Chính	MGB B	2021	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
16	Lò Kim Oanh	MGB B	2021	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 2.1.3 /QĐ -UBND, ngày 22.12.2024 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MÀM NON XÁ NOONG HẾT								
1	Nguyễn Đức Trọng	2019	Trần Thị Thắm	160.000	Cận nghèo	5	800	
2	Hà Thái Sơn	2019	Lò Thị Thuý Hà	160.000	TBĐBKK	5	800	
3	Cà Thị Quỳnh Chi	2019	Lương Thị Kim	160.000	TBĐBKK	5	800	
4	Lò Minh Tuấn	2019	Vì Thị Thuởng	160.000	TBĐBKK	5	800	
5	Bùi Ánh Linh	2019	Nguyễn Thị Ngọc Lan	160.000	TBĐBKK	5	800	
6	Trần Gia Huy	2019	Lò Thị Thu	160.000	TBĐBKK	5	800	
7	Tòng Hùng Anh	2019	Lò Thị Quý	160.000	Cận nghèo	5	800	
8	Lò Minh Quyết	2019	Vì Thị Xuân	160.000	Cận nghèo	5	800	
9	Quảng Bảo Ngân	2019	Quảng Văn Thuởng	160.000	TBĐBKK	5	800	
10	Lò Thị Ngọc Huyền	2019	Bạc Thị Mai	160.000	TBĐBKK	5	800	
11	Lò Lâm Huệ	2019	Lò Thị Khuyên	160.000	TBĐBKK	5	800	
12	Vì Bảo An	2019	Vì Thị Nguyệt	160.000	TBĐBKK	5	800	
13	Cà Diễm Trúc	2019	Lò Thị Thanh	160.000	TBĐBKK	5	800	
14	Nguyễn Gia Huy	2019	Pòng Thị Văn	160.000	Cận nghèo	5	800	
15	Lò Thị Thanh	2019	Lò Văn Lang	160.000	TBĐBKK	5	800	
16	Hà Huy Bình	2019	Tòng Thị Xuân	160.000	TBĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
17	Đào Thiên Hương	2019	Lò Thị Chiến	160.000	TBDBKK	5	800	
18	Đoàn Thị Lụa	2019	Đoàn Trọng Lâm	160.000	Cận nghèo	5	800	
19	Lò Thị Ngọc Bích	2019	Lò Văn Chính	160.000	TBDBKK	5	800	
20	Lương Minh Khôi	2019	Lương Văn Kiên	160.000	TBDBKK	5	800	
21	Cà Minh Khôi	2019	Cà Văn Thân	160.000	TBDBKK	5	800	
22	Cà Diệu Anh	2019	Diệu Thị Thanh Huyền	160.000	TBDBKK	5	800	
23	Quàng Thúy Chi	2019	Lò Thị Hà	160.000	TBDBKK	5	800	
24	Cà Đình Phong	2019	Quàng Thị Thanh	160.000	TBDBKK	5	800	
25	Lò Thị Như Quỳnh	2019	Lò Thị Hoa	160.000	TBDBKK	5	800	
26	Nguyễn Linh Châu	2019	Quàng Thị Nguyên	160.000	TBDBKK	5	800	
27	Lò Phước Minh	2019	Khà Thị Lợi	160.000	TBDBKK	5	800	
37	Lò Ngọc Diệp	2020	Lò Văn Nam	160.000	TBDBKK	5	800	
38	Nguyễn Hải Đăng	2020	Hà Thị Thương	160.000	Cận Nghèo	5	800	
39	Cà Bảo Bình	2020	Quàng Thị Yên	160.000	TBDBKK	5	800	
40	Lò Thị Bảo Hân	2020	Cà Thị Thùy Dung	160.000	TBDBKK	5	800	
41	Cà Khánh Vân	2020	Lương Thị Phiên	160.000	TBDBKK	5	800	
42	Lò Gia Bảo	2020	Lò Thị Phong	160.000	TBDBKK	5	800	
43	Doãn Thanh Tùng	2020	Vũ Thị Thanh Hoàn	160.000	TBDBKK	5	800	
44	Trần Nhất Thiên Phú	2020	Lò Thị Thắm	160.000	TBDBKK	5	800	
28	Nguyễn Đình Đức Duy	2020	Cà Thị Hương	160.000	Khuyết tật	5	800	
29	Lò Quốc Bảo	2020	Lò Văn Oì	160.000	Hộ nghèo	5	800	
30	Trần Ngọc Anh Khoa	2020	Diệu Thị Oanh	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
31	Trần Quang Nhật	2020	Lò Thị Duyên	160.000	Cận Nghèo	5	800	
32	Lường Trường An	2020	Lò Thị Nội	160.000	TBĐBKK	5	800	
33	Lò Thị Hương May	2020	Lò Thị Mai	160.000	TBĐBKK	5	800	
34	Cà Hải An	2020	Lò Thị Lả	160.000	TBĐBKK	5	800	
35	Lò Ngọc Tuệ Lâm	2020	Lò Thị Diên	160.000	TBĐBKK	5	800	
36	Lò Đức Toàn	2020	Quảng Thị Hằng	160.000	TBĐBKK	5	800	
45	Lò Đức Dương	2021	Lò Văn Linh	160.000	Cận nghèo	5	800	
46	Trần Bá Hiếu	2021	Trần Bá Hòe	160.000	Cận nghèo	5	800	
47	Quảng Đức Thuận	2021	Quảng Văn Chiến	160.000	TBĐBKK	5	800	
48	Lò Duy Khải	2021	Lò Văn Định	160.000	TBĐBKK	5	800	
49	Lò Đăng Quang	2021	Lò Văn Phong	160.000	TBĐBKK	5	800	
50	Lò Kim Ngân	2021	Lò Thị vân	160.000	TBĐBKK	5	800	
51	Lò Minh Hải	2021	Lò Văn Kim	160.000	TBĐBKK	5	800	
52	Cà Quỳnh Anh	2021	Cà Văn Thân	160.000	TBĐBKK	5	800	
53	Đoàn Duy long	2021	Đoàn Văn Công	160.000	TBĐBKK	5	800	
54	Cà Thị Khánh Thi	2021	Cà Văn Thành	160.000	TBĐBKK	5	800	
55	Cà Gia Khánh	2021	Cà Văn Quyền	160.000	TBĐBKK	5	800	
56	Cà Minh Khang	2021	Cà Văn Thân	160.000	TBĐBKK	5	800	
57	Lò Tường Vy	2021	Lò Văn Tuấn	160.000	TBĐBKK	5	800	
58	Lò Minh Khôi	2021	Lò Văn Xiên	160.000	TBĐBKK	5	800	

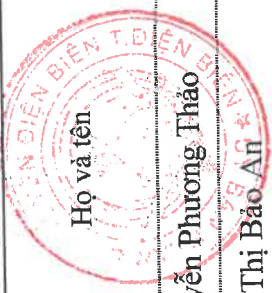
PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 215 /QĐ -UBND, ngày 20. tháng 2.... năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NOONG LUÔNG								
1	Tòng Minh Anh	2019	Lò Thị Biên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
2	Quảng Mai Ka	2019	Lò Thị Thanh Thảo	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Tòng Bảo Minh	2019	Lường Thị Phụng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Quảng Bảo Châu	2019	Lò Thị Loan	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Trần Việt Hoàng	2019	Lò Thị Tâm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Lò An Như	2019	Lò Văn Thanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Lò Anh Kiệt	2019	Lò Văn Khương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Lò Bảo Long	2019	Tòng Thị Trung Oanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Quảng Bảo Châu	2019	Quảng Văn Thánh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Lường Khánh Huyền	2019	Lò Thị Duân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Lò Gia Linh	2019	Lò Văn Hạnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Nguyễn Thuý Dương	2019	Tòng Thị Duyên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Lò Minh Khôi	2019	Lò Văn Khiên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Lò Tường Vy	2019	Lò Văn Thiện	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Lò Lương Khải An	2019	Lường Thu Nguyên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đôi tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mô côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
16	Lường Nhật Thảo	2019	Lò Thị Kim	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
17	Lường Duy Thành	2019	Lường Thị Hương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
18	Lò Văn Minh	2019	Quàng Thị Giót	160.000	ĐKKT-XHDBKK, HN	5	800	
19	Lò Anh Thu	2019	Lò Thị Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
20	Tòng Kim Ngân	2019	Quàng Thị Thu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
21	Lò Thị Khánh Huyền	2019	Lò Thị Ngọc	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
22	Lường Thiên An	2019	Lò Thị Minh	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
23	Đỗ Vi Ngọc Khang	2019	Đỗ Duy Nghĩa	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
24	Quàng Thị Khánh Ly	2019	Quàng Thị Chính	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
25	Lường Duy Khánh	2019	Lường Văn Thành	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
26	Quàng Minh Thu	2019	Quàng Thị Thắm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
27	Lò Hải Đăng	2019	Lò Văn Lâm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
28	Lò Minh Tuấn	2019	Tòng Thị Thủy	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
29	Lò Anh Tuấn	2019	Lò Thị Nguong	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
30	Tòng Việt Hoàng	2019	Tòng Văn Hưng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
31	Quàng Gia Huy	2019	Quàng Thị Xuân	160.000	Hộ Cận nghèo	5	800	
32	Quàng Ngọc Bích	2019	Quàng Thị Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
33	Quàng Hoa Hùng	2019	Tòng Văn Nội	160.000	Hộ nghèo	5	800	
34	Cà Minh Dũng	2019	Lò Thị Ngân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
35	Lò Minh Thu	2019	Lò Văn Tiến	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
36	Trần Nguyễn Khang	2019	Quàng Thị Xuân	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên. 	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
37	Nguyễn Phương Thảo	2019	Nguyễn Phương Trang	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
38	Đào Thị Bảo An	2019	Đào Thị Thùy Linh	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
39	Đào Thị Bảo Uyên	2019	Đào Thị Thùy Linh	160.000	Khuyết tật, CN	5	800	
40	Quảng Khánh Linh	2020	Lò Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
41	Lò Thị Ngọc Mai	2020	Quảng Thị Thịnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
42	Quảng Nhật Anh	2020	Lò Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
43	Quảng Gia Bảo	2020	Cà Thị Cương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
44	Đoàn Đại Nghĩa	2020	Nguyễn Thị Thuyết	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
45	Tòng Thị Thiên Mỹ	2020	Tòng Thị Hồng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
46	Tòng Minh Quân	2020	Tòng Thị Thanh Loan	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
47	Quảng Thanh Trúc	2020	Lò Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
48	Quảng Trọng Phú	2020	Quảng Văn Phong	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
49	Lò Chấn Phong	2020	Lò Văn Hiến	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
50	Tòng Thị Thanh Nga	2020	Tòng Văn Hưởng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
51	Quảng Gia Huy	2020	Quảng Văn Cương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
52	Lò Đức Cường	2020	Lò Thị Lợi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
53	Lò An Chi	2020	Lò Văn Sương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
54	Nguyễn Minh Khang	2020	Lò Thị Diên	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
55	Lò Vũ Hải Bình	2020	Vũ Thị Thủy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
56	Đặng Anh Minh	2020	Ngô Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK,CN	5	800	
57	Vương Quốc Bảo	2020	Đinh Thị Lập	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đôi tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
58	Tòng Bảo Sang	2020	Cà Thị Quảng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
59	Tòng Thị Huyền Diệu	2020	Quảng Thị Xuân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
60	Lò Thị Hương Ly	2020	Tòn Thị Trang	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
61	Quảng Ngọc Lan	2020	Quảng Văn Tuấn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
62	Quảng Mạnh Hùng	2020	Tòng Thị Xuân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
63	Quảng An Nhiên	2020	Lò Thị Lan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
64	Quảng Thị Tường Vy	2020	Lò Thị Miên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
65	Lò Thị Bảo Trâm	2020	Lương Thị Thịnh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
66	Lương Bảo Ngọc	2020	Quảng Thị Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
67	Lò Thiên Trúc	2020	Lò Thị Đông	160.000	Hộ nghèo	5	800	
68	Lương Thị Minh Vân	2020	Vì Thị Thu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
69	Tòng Bảo Trâm	2020	Lò Thị Biên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
70	Lò Đức Anh	2020	Lò Thị Lả	160.000	Hộ nghèo	5	800	
71	Quảng Thanh Nhân	2020	Lò Thị Soán	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
72	Lương Thục Nhi	2020	Lò Thị Dương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
73	Tòng Bảo Châu	2020	Tòng Văn Chính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
74	Lò Thị Như Uyên	2020	Quảng Thị Lả	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
75	Lương Duy Đức	2020	Lương Thị Thơm	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
76	Quảng Minh Phúc	2021	Lò Thị Xuân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
77	Lò Anh Nhật	2020	Lương Thị Núi	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
78	Nguyễn Duy Anh	2020	Nguyễn Thị Huệ	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
79	Lò Đăng Khánh Huyền	2020	Đặng Kim Quân	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
80	Lò Gia Huy	2020	Lò Thị Phụng	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
81	Lò Gia Long	2020	Cà Thị Nhung	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
82	Lò Đức Nguyên	2020	Lương Thị Hoa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
83	Quảng Bảo Khang	2020	Quảng Thị Thoa	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
84	Lò Phương Linh	2020	Lò Văn Dũng	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
85	Cà Nhật Vy	2020	Cà Thị Linh	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
86	Lò Đỗ Thảo Anh	2020	Lò Thị Hoan	160.000	Hộ nghèo	5	800	
87	Tòng Thị Khánh Ngân	2021	Lò Thị Hồng Tuyền	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
88	Lò Minh Nhất	2021	Quảng Thị Hiền	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
89	Trần Văn Huy Vũ	2021	Trần Văn Được	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
90	Quảng Thị Khánh Vy	2021	Quảng Văn Diện	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
91	Lò Việt Anh	2021	Quảng Thị Hương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
92	Nguyễn Quỳnh Như	2021	Tòng Thị Thương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
93	Lò Nhã Uyên	2021	Tòng Thị Tịnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
94	Quảng Minh Đức	2021	Quảng Thị Thắm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
95	Lương Phúc Khang	2021	Lò Thị Biên	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
96	Vì Chí Công	2021	Lò Thị Minh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
97	Quảng Bảo Lộc	2021	Lò Thị Huyền	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
98	Tòng Phương Huyền	2021	Lò Thị Minh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
99	Lò Ái Linh	2021	Lương Thị Trang	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đôi tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
100	Đinh Khôi Nguyễn	2021	Nguyễn Thị Gấm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
101	Tùng Lương Huy Hoàng	2021	Lương Thị Cương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
102	Tùng Thị Ngọc Diệp	2021	Tùng Thị Thanh Loan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
103	Trần Đức Anh	2021	Lò Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
104	Lương Minh Quang	2021	Cầm Thị Hưng	160.000	ĐKKT-XHDBKK, HN	5	800	
105	Đặng Minh Châu	2021	Ngô thị Dung	160.000	ĐKKT-XHDBKK, CN	5	800	
106	Lò Đức Phúc	2021	Lương Thị Lịch	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
107	Lò Quốc Việt	2021	Lò Văn Linh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
108	Lò Huyền Tâm	2021	Tùng Thị Xiển	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
109	Lương Tú Bảo	2021	Lương Thị Minh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
110	Lò Đức Hoàng	2021	Lò Thị Thắm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
111	Lương Bảo Lâm	2021	Quàng Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
112	Quàng Thị Thu Trang	2021	Lò Thị Tường	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
113	Lò Lan Chi	2021	Lò Văn Hiền	160.000	Khuyết tật	5	800	
114	Nguyễn Đình Thế Hợp	2021	Nguyễn Thị Lan	160.000	Hộ nghèo	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP

NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 2.13 /QĐ -UBND, ngày ..02.. tháng năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (me) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÁ SÂM MÚN								
1	Vì Bảo An	2019	Quảng Thị Thơ	160.000	Cận nghèo	5	800	
2	Lò Duy Khánh	2019	Lò Thị Nhuỗi	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
3	Phạm Tường Vi	2019	Dương Thị Liên	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
4	Lò Hải Yến	2019	Lương Thị Quyết	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
5	Lò Thị Lục Anh	2019	Lò Thị Thu Hằng	160.000	Cận nghèo	5	800	
6	Lò Hùng Mạnh	2019	Cà Thị Tiên	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
7	Lò Hoàng Bảo Tài	2019	Lò Thị Thiên	160.000	Khuyết tật	5	800	
8	Nguyễn Minh Quang	2019	Nguyễn Thị Huế	160.001	Thôn bản ĐBKK	5	800	
9	Lò Bảo Nam	2019	Vì Thị Tương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
10	Quảng Bảo Hưng	2019	Quảng Thị Thúy	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
11	Vì Hoàng Nam	2019	Lò Thị Tầm	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
12	Lò T. Nhã Uyên	2019	Lò Thị Giang	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
13	Quảng Văn Vinh	2019	Khoảng Go xứ	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
14	Lò Ngọc Quý	2019	Khoảng Khò Xó	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
15	Lò Gia Bảo	2019	Quảng Thị Thông	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
16	Lò T. Thùy Linh	2019	Lò Văn Quyết	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
17	Tòng T. Q. Hương	2019	Tòng Thị Thảo Huyền	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
18	Cà Nguyễn Tú Uyên	2019	Cà Thị Khuyển	160.000	Cận nghèo	5	800	
19	Quảng Đức Duy	2019	Lò Thị Sinh	160.000	Cận nghèo	5	800	
20	Sin T Văn Khánh	2019	Quảng Thị Hặc	160.000	Cận nghèo	5	800	
21	Lò Hoàng Việt	2019	Lò Thị Tiến	160.000	Cận nghèo	5	800	
22	Quảng Thiên Phú	2019	Vì Thị Thiết	160.000	Cận nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
23	Nguyễn Hải Triều	2019	Nguyễn Văn Nam	160.000	Cận nghèo	5	800	
24	Lò Anh Quân	2020	Lò Thị Chương	160.002	Hộ nghèo	5	800	
25	Nguyễn Như Ngọc	2020	Nguyễn Hoàng Long	160.000	Hộ nghèo	5	800	
26	Lò Phạm Minh Khang	2020	Phạm Thị Lả	160.000	Cận nghèo	5	800	
27	Lương Bảo Nam	2020	Lò Thị Hương	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
28	Lò Thị Phương Oanh	2020	Lò Văn Phong	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
29	Lò Thúy Kiều	2020	Lò Thị Oị	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
30	Quàng Minh Vũ	2020	Lò Thị Vân	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
31	Quàng Văn Quý	2020	Quàng Văn Ánh	160.000	Cận nghèo	5	800	
32	Lò Duy Tùng	2020	Lương Thị Biển	160.000	Cận nghèo	5	800	
33	Lương Thị Trà My	2020	Khoàng Mé De	160.000	Cận nghèo	5	800	
34	Lò Tuấn Anh	2020	Quàng Thị Quyết	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
35	Lò Thị Ngọc Lan	2020	Lò Văn Quyết	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
36	Lương Thị Hà Vy	2020	Lương Văn Hồng	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
37	Lò Khánh Vân	2020	Lò Thị Nhân	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
38	Tòng Già Bảo	2020	Vì Thị Hơi	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
39	Lò Thị Thu Hồng	2020	Lò Thị Chang	160.000	Cận nghèo	5	800	
40	Lò Thị Ngọc Mai	2020	Lò Thị Phương	160.000	Cận nghèo	5	800	
41	Lò Tường Vi	2020	Lò Thị Hom	160.000	Cận nghèo	5	800	
42	Lò Văn Đại	2020	Lò Thị Duyên	160.000	Cận nghèo	5	800	
43	Tòng Trọng Khang	2020	Tòng Văn Nghiên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
44	Lò Hoàng Kim Nhi	2020	Lò Thị Thuồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
45	Cà Xuân Phúc	2020	Cà Văn Tuyển	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
46	Lương Thái Thịnh	2020	Lương Văn Chính	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
47	Lò An Na	2020	Lò Thị Tinh	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
48	Lò Thị Như Quỳnh	2020	Lò Thị Chinh	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
49	Lò Văn Tinh	2020	Lò Thị Hoà	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
50	Lò Xuân Thắng	2020	Lò Thị Hồng Nhung	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
51	Đinh Quang Việt	2021	Quàng Thị Xiên	160.000	Cận nghèo	5	800	
52	Lò Nhật Tùng	2021	Lò Thị Hoa	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
53	Lù Lê Khang	2021	Lù Thị Nhung	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	
54	Mùi Đình Ngọc	2021	Mùi Văn Anh	160.000	Thôn bản DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
55	Lò Gia Hưng	2021	Quảng Thị Tâm	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
56	Quảng Thị Ngân Hà	2021	Lò Thị Nguyên	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
57	Lò Quang Hải	2021	Lò Thị Hiền	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
58	Lò Minh Nhật	2021	Lò Văn Thiết	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
59	Lò Nhật Minh Quang	2021	Lò Văn Đại	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
60	Lò Gia Hưng	2021	Tòng Thị Kính	160.000	Cận nghèo	5	800	
61	Lò Thị Ngọc Thắm	2021	Lò Thị Hịa	160.000	Cận nghèo	5	800	
62	Lò Đức Duy	2021	Lò Văn Mười	160.000	Cận nghèo	5	800	
63	Lò Nguyệt Cát	2021	Lường Thúy Thư	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
64	Lò Yến Nhi	2021	Lò Thị Huyền	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
65	Lò Bảo An	2021	Lò Thị Thi	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
66	Lò Thị Ngọc Linh	2021	Cà Thị Hà	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
67	Quảng Đức Phúc	2021	Lường Thị Mai	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
68	Lò Ngọc Thủy	2021	Lường Thị Phong	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	
69	Hoàng Thanh Trúc	2021	Hoàng Thế Hà	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
70	Lò Minh Khôi	2021	Lò Văn Hịa	160.000	Cận nghèo	5	800	
71	Quảng Bảo Ngọc	2021	Quảng Văn Tùng	160.000	Thôn bản ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP

NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 - THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 2.13. /QĐ -UBND, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ PA THOM								
1	Lò Nhã Tú Vy	2019	Lò Thị Hồng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
2	Lò Gia Kiệt	2019	Lò Văn Long	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Phạm Thị Phương	2019	Quảng Thị Piếng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Vì Bảo Lộc	2019	Vì Văn Hoàng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Quảng Tuấn Kiệt	2019	Quảng Văn Lanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Thân Đức Duy	2019	Lò Thị Diện	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Lò Anh Thư	2020	Lò Thị Thủy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Lò Đức Trọng	2020	Tòng Thị Trang	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Lò Hải Đăng	2020	Lò Văn Tĩnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Lò Hồng Hà	2020	Lò Văn Sơn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Lò Thị Ngọc ánh	2020	Lò Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Lò Việt Anh	2020	Lò Thị May	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Lò Việt Anh	2020	Lò Thị Văn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Quảng Anh Đức	2020	Quảng Văn Tuyền	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Quảng Minh Quân	2020	Quảng Thị Ngânh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Quảng Minh Trí	2020	Quảng Văn Trinh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
17	Quảng Văn Cường	2020	Quảng Văn Sương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
18	Quảng Văn Quế	2020	Quảng Văn Hương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
19	Vì Tuệ Mẫn	2020	Tòng Thị Thính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
20	Quảng Thế Lực	29/03/2021	Quảng Văn Quyền	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
21	Quảng Thị Hiếu Lam	11/07/2021	Quảng Văn Tương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
22	Phạm Ngọc Nhi	2021	Lò Thị Kim Anh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
23	Lường Minh Giang	2019	Lường Văn Quyết	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
24	Lường Minh Y	2019	Lường Văn Quyết	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
25	Lường Thị Bích Phượng	2019	Lường Văn Linh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
26	Quàng Tuấn Kiệt	2019	Quàng Văn Việt	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
27	Lò Văn Khánh	2019	Quàng Thị Oí	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
28	Quàng Mạnh Bảo	2019	Quàng Văn Un	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
29	Lò Gia Khiêm	2019	Lò Văn Lập	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
30	Quàng Đức Duy	2019	Quàng Văn Tun	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
31	Lường Anh Tú	2019	Lường Văn Phúc	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
32	Lường Bảo Khang	2019	Lò Thị Sương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
33	Lường Đức Trọng	1	Lường Văn Linh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
34	Quàng Minh Tuấn	27/6/2021	Quàng văn Quỳnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
35	Lò Minh Tú	2019	Nguyễn Thị Lan	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
36	Lò Tiến Thành	2019	Lò Văn Thân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
37	Lò Tuấn Anh	2019	Lò Thị Ly	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
38	Lò Văn Thông	2019	Lò Văn Cơn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
39	Lò Thị Hằng Nga	2020	Lò Văn Biển	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
40	Lò Thị Yến Thư	2020	Lò Thị Ôn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
41	Lò Ngọc Ánh	12/06/2021	Lò văn Thân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
42	Lò Thị Gia Hân	17/08/2021	Lò Văn Ly	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
43	Lò Mạnh Phú	2021	Lò Thị Phon	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
44	Lò Hà My	11/04/2021	Lò Văn Nhông	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRÚA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020
THÁNG 01 - THÁNG 05 NĂM 2025



(Kèm theo QĐ số 213/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 2 năm 2024 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
	TRƯỜNG MẦM NON PU LAU XÁ MƯỜNG NHÀ							48.800
1	Lầu Huyền Anh	2019	Lầu A Dềnh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
2	Ly Thà Dénh	2019	Ly A Triạ	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
3	Ly Thị Nguyệt Nhu	2019	Ly A Kỳ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
4	Ly Thị Kim Phươn	2019	Ly A Cầu	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
5	Lò Nhật Phong	2019	Lò Thị Nghiệp	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
6	Lường Thị Lun	2020	Lường Thị Thinh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
7	Ly Bình An	2020	Ly A Chở	160.000	Hộ nghèo	5	800	
8	Lò Thị Ngọc Ánh	2020	Lò Văn Phương	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
9	Lò Văn Thám	2020	Lường Thị Văn	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
10	Lường Mạnh Duy	2020	Lường Văn Khánh	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
11	Ly A Phénh	2021	Ly A Si	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
12	Ly A Nhì	2021	Ly A Chua	160.000	Bán ĐBKK	5	800	
13	Lò Thị Thuý Vy	2021	Lò Thị Nghiệp	160.000	Bán ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
14	Ly A Phanh	2021	Sông Thị Pó	160.000	Hộ nghèo	5	800	
15	Lầu A Vũ	2021	Lầu A Dénh	160.000	Bản DBKK	5	800	
16	Vàng Anh Ba	2019	Sùng Thị Dénh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
17	Vàng Thị Minh Châu	2019	Vàng A Chinh	160.000	Bản DBKK	5	800	
18	Vừ Tuấn Kiệt	2019	Vừ A Đà	160.000	Bản DBKK	5	800	
19	Lầu Gia Minh	2019	Lầu A Thái	160.000	Bản DBKK	5	800	
20	Sùng Thị Nhìa	2019	Sùng A Dính	160.000	Hộ nghèo	5	800	
21	Vàng Thị Kim Như	2019	Vàng A Xế	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Vừ Thị Như	2019	Vừ A Dơ	160.000	Bản DBKK	5	800	
23	Vàng Thị Ánh Tuyết	2019	Vàng A Lồng	160.000	Bản DBKK	5	800	
24	Vừ Kỳ Vọng	2019	Vừ A Thề	160.000	Bản DBKK	5	800	
25	Sùng A Đạt	2019	Sùng A Minh	160.000	Bản DBKK	5	800	
26	Vàng Chấn Phong	2019	Vàng A Phúc	160.000	Bản DBKK	5	800	
27	Lầu Thị Ngọc Ánh	2020	Sùng Thị Chénh	160.000	Bản DBKK	5	800	
28	Vàng Phong Cảnh	2020	Vàng A Tú	160.000	Hộ nghèo	5	800	
29	Sùng A Hùng	2020	Sùng A Minh	160.000	Bản DBKK	5	800	
30	Sùng Bảo Huy	2020	Vàng Thị Dế	160.000	Bản DBKK	5	800	
31	Lầu Quang Khải	2020	Lầu A Sa	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
32	Sùng Giung Mông	2020	Sùng A Vừ	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
33	Vừ Thị Nga	2020	Vừ A Công	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
34	Lầu Thị Xi	2020	Lầu A Súa	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
35	Lầu Thị Thư	2020	Lầu A Hạ	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
36	Lầu Thị Hà Tri	2020	Lầu A Sớ	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
37	Sùng A Tuấn	2020	Sùng A Ly	160.000	Hộ nghèo	5	800	
38	Lầu Xuân Dũng	2021	Hạ Thị Dợ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
39	Sùng Chí Thanh	2021	Sùng A Lồng	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
40	Sùng Minh Trí	2021	Sùng A Minh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
41	Vừ A Hà	2021	Vừ A Đà	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
42	Lầu A Phan	2021	Lầu Hồng May	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
43	Vàng Thị Mỹ Lin	2021	Vàng A Sênh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
44	Lầu Thị Mai	2021	Lầu A Chu	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
45	Vàng Thị Mò Mị	2021	Vàng A Sùng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
46	Sùng Mua Chi	2021	Lầu Thị Dính	160.000	Hộ nghèo	5	800	
47	Vàng Mai Liên	2021	Vàng A Phúc	160.000	Bản ĐBKK	5	800	
48	Vừ Sa Lạ	2021	Vừ A Lừ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
49	Hạ Minh Đức	2019	Hạ A Trọ	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
50	Vàng Thị Nga	2019	Vàng Pó Chua	160.000	Bản ĐBK	5	800	
51	Vàng Mái Nà	2020	Vàng Thị Ía	160.000	Hộ nghèo	5	800	
52	Vàng A Dơ	2020	Mùa Thị Đơ	160.000	Bản ĐBK	5	800	
53	Giàng Thị Ái Nhi	2020	Giàng A Chăn	160.000	Hộ nghèo	5	800	
54	Thào Quân Bảo	2020	Thào Thị Lý	160.000	Bản ĐBK	5	800	
55	Vàng Minh Hồ	2021	Vàng Pó Chua	160.000	Bản ĐBK	5	800	
56	Vàng Thị Lành	2021	Vàng A phồng	160.000	Bản ĐBK	5	800	
57	Vàng Thị Xuân	2021	Vừ Thị Dơ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
58	Hà Thị Ngọc Ánh	2021	Hà A Chua	160.000	Bản ĐBK	5	800	
59	Thào A Hụ	2021	Thào A Linh	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
60	Vàng Thị Pà	2020	Vàng A Phồng	160.000	Bản ĐBK	5	800	
61	Vàng A Hồng	2021	Vàng A Phồng	160.000	Bản ĐBK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 2.1.3 /QĐ -UBND, ngày 22.01 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÁ HUA THANH								
1	Lò Trần Quang Bảo	2019	Lò Thị Lê	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
2	Lò An Nhiên	2019	Lò Văn Dũng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
3	Lò Minh Tiến	2019	Lò Thị Hà	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
4	Quảng Công Minh	2019	Cà Thị Thảo	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
5	Lò Anh Tú	2019	Lò Thị Anh	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
6	Cầm Đăng Khôi	2019	Nguyễn Thị Hợi	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
7	Lò Thị Bảo Hân	2019	Lò Thị Tuyết	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
8	Quảng Thanh Huyền	2019	Cà Thị Loan	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
9	Quảng Tuấn Hải	2019	Lò Thị Thu Hà	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
10	Lò Nguyễn Khôi	2019	Lò Văn Nam	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
11	Lò Tường Vy	2019	Lò Văn Dũng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
12	Quảng Anh Thư	2019	Quảng Thị Thương	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
13	Lò Minh Khôi	2019	Quảng Thị Trinh	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
14	Lò Thị Yến Nhi	2019	Lò Thị Lan	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
15	Quảng Đình Nguyên	2019	Quảng Đình Thái	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
16	Lò Nhật Linh	2019	Lò Văn Tinh	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
17	Cà Trí Dũng	2019	Lò Thị Phương	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
18	Đặng Mộc Doanh	2019	Quảng Thị Vân	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
19	Quảng Ngọc Quyên	2019	Lò Thị Thoa	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
20	Lò Minh Khang	2019	Lò Văn Liên	160.000	Vùng DBKK	5	800	
21	Quàng Việt Cường	2019	Quàng Văn Hèo	160.000	Vùng DBKK	5	800	
22	Quàng Tuấn Kiệt	2019	Lò Thị Lợi	160.000	Vùng DBKK	5	800	
23	Lò Văn Đức	2019	Lò Thị Hiêng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
24	Quàng Tuấn Kiệt	2019	Quàng Văn Quý	160.000	Vùng DBKK	5	800	
25	Lò Thị Lin	2019	Lò Thị Hạnh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
26	Mùa Xuân Sang	2019	Lý Thị Thu	160.000	Vùng DBKK	5	800	
27	Vừ Thúy Mai	2019	Vừ A Và	160.000	Vùng DBKK	5	800	
28	Quàng Minh Nhật	2020	Lò Thị Liên	160.000	Vùng DBKK	5	800	
29	Quàng Quỳnh Chi	2020	Quàng Vàng Tiếng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
30	Lò Thị Bảo Anh	2020	Lò Thị Phương	160.000	Vùng DBKK	5	800	
31	Lò Thị Bảo Châu	2020	Lò Thị Phương	160.000	Vùng DBKK	5	800	
32	Lò Thị Hải Yến	2020	Lương Thị Xa	160.000	Vùng DBKK	5	800	
33	Quàng Ninh An	2020	Lò Thị Khánh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
34	Lò Ánh Dương	2020	Quàng Thị Chiến	160.000	Vùng DBKK	5	800	
35	Lò Anh Trí	2020	Lò Văn Thương	160.000	Vùng DBKK	5	800	
36	Quàng Tường Vy	2020	Tòng Thị Trang	160.000	Vùng DBKK	5	800	
37	Quàng Anh Đức	2020	Quàng Văn Thanh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
38	Lò Ngọc Bảo An	2020	Lò Thị Sơn	160.000	Vùng DBKK	5	800	
39	Nguyễn Quỳnh Nhi	2020	Lò Thị Thanh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
40	Lò Phương Anh	2020	Lò Thị Mai	160.000	Vùng DBKK	5	800	
41	Quàng Chấn Phong	2020	Quàng Thị Phương	160.000	Vùng DBKK	5	800	
42	Lò Hạ Vy	2020	Lò Thị Nga	160.000	Vùng DBKK	5	800	
43	Lò Anh Vũ	2020	Lò Văn Sơn	160.000	Vùng DBKK	5	800	
44	Lò Minh Vy	2020	Lò Văn Phương	160.000	Vùng DBKK	5	800	
45	Cà Thị Như Quỳnh	2020	Quàng Thị Mai	160.000	Vùng DBKK	5	800	
46	Quàng Hải Anh	2020	Quàng Văn Kết	160.000	Vùng DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
47	Lò Kiều Oanh	2020	Lò Văn Khoa	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
48	Quảng Linh Đan	2020	Quảng Văn Nam	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
49	Hồ Phúc Khang	2020	Quảng Thị Nhân	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
50	Quảng Thị Minh Diệp	2020	Quảng Văn Anh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
51	Lò Văn Bảo An	2021	Lò Văn Thế	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
52	Quảng Minh Anh	2021	Quảng Thị Viên	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
53	Quảng Đức Bình	2021	Quảng Thị Ngọc	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
54	Lò Văn Phát	2021	Lò Thị Nhân	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
55	Quảng Thị Hải Yến	2021	Quảng Văn Quý	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
56	Lò Khánh Vũ	2021	Lò Văn Ba	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
57	Quảng Hải Việt	2021	Lò Thị Tuyết	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
58	Nguyễn Thanh Trà	2021	Lò Thị Đợi	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
59	Lường Minh Khôi	2021	Lường Văn Kiểm	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
60	Lò Bảo Khang	2021	Lường Thị Hoa	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
61	Cầm Gia Hưng	2021	Cầm Văn Hiếu	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
62	Quảng Trúc Anh	2021	Quảng Thị Ngân	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
63	Lò Thị Bảo Ngọc	2021	Lò Văn Thương	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
64	Quảng Hữu Lộc	2021	Quảng Văn Lún	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
65	Quảng Anh Quý	2021	Quảng Văn Chanh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
66	Quảng Minh Khang	2021	Lò Thị Loan	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
67	Quảng Tuấn Sang	2021	Lò Thị Hiến	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
68	Quảng Thị Huyền Anh	2021	Lò Thị Thim	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
69	Lò Minh Đức	2021	Lò Thị Dẫn	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
70	Quảng Gia Bảo	2021	Quảng Văn Quân	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
71	Lường Mạnh Đạt	2021	Lò Thị Nở	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
72	Lò Thị Minh Anh	2021	Lò Văn Phương	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
73	Lò Thị Quốc Khánh	2021	Quảng Thị Tinh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
74	Lò Thị Ánh Thu	2021	Lò Văn Chuyên	160.000	Vùng DBKK	5	800	
75	Quàng Tuấn Phong	2021	Quàng Văn Bun	160.000	Vùng DBKK	5	800	
76	Lò Đăng Khôi	2021	Lò Văn Kim	160.000	Vùng DBKK	5	800	
77	Quàng Như Quỳnh	2021	Quàng Thị Xuân	160.000	Vùng DBKK	5	800	
78	Lò Thị Quỳnh Ngân	2021	Lò Thị Thùy Linh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
79	Lò Thị Phương Nhi	2021	Lò Thị Xuân	160.000	Vùng DBKK	5	800	
80	Quàng Duy Khánh	2021	Lò Thị Hồng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
81	Lò Ngọc Chi	2021	Vì Thị Tươi	160.000	Vùng DBKK	5	800	
82	Vừ Thúy Phương	2021	Vừ A Và	160.000	Vùng DBKK	5	800	
83	Mùa A Cho	2020	Mùa Thị Tinh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
84	Sùng Mây Dương	2020	Giàng Thị Sinh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
85	Vừ Thị Nhi Hiền	2020	Lầu Thị Nhánh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
86	Sòng Ý Lan	2020	Mùa Thị Mây	160.000	Vùng DBKK	5	800	
87	Sùng Thị Ngọc Minh	2020	Hờ Thị Ẽnh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
88	Thào Thị Bảo Ngọc	2020	Hoàng Thị Dung	160.000	Vùng DBKK	5	800	
89	Sùng A Phong	2020	Mùa Thị Mai	160.000	Vùng DBKK	5	800	
90	Vừ Thị Thi	2020	Sùng Thị Vi	160.000	Vùng DBKK	5	800	
91	Vừ Thị Tông	2020	Giàng Thị Sua	160.000	Vùng DBKK	5	800	
92	Giàng Gia Bảo	2021	Mua Thị Cây	160.000	Vùng DBKK	5	800	
93	Sùng Anh Dũng	2021	Mùa Thị Đót	160.000	Vùng DBKK	5	800	
94	Sùng Thị Nhi	2021	Vừ Thị Mai	160.000	Vùng DBKK	5	800	
95	Vừ Thị Nhi	2021	Sùng Thị Vi	160.000	Vùng DBKK	5	800	
96	Vừ Thị Chanh	2019	Vừ A Tú	160.000	Vùng DBKK	5	800	
97	Lầu A Công	2019	Vàng Thị Anh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
98	Vừ Thị Ánh Dương	2019	Vừ A Sếnh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
99	Vừ Bảo Duy	2019	Vừ A Ly	160.000	Vùng DBKK	5	800	
100	Vừ Thị Linh Hương	2019	Vừ A Tú	160.000	Vùng DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
101	Lầu A Nam	2019	Lầu A Chữ	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
102	Lầu A Minh	2019	Lầu A Tầng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
103	Vàng Thị Tuyết Nhi	2019	Lầu Thị Xi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
104	Vừ Sơn Trường	2019	Vừ A Hồng	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
105	Vừ Thị Tuyết Nhi	2020	Vừ A Lầu	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
106	Vàng Nguyệt Ánh	2020	Lầu Thị Xi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
107	Vừ Huy Hoàng	2020	Vừ A Tỉnh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
108	Lầu Phúc Quý	2020	Vàng Thị Anh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
109	Hờ Ngọc Sơn	2020	Hờ A Thénh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
110	Thào A Thái	2020	Thào A Đông	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
111	Hờ A Thành	2020	Giàng Thị Cúc	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
112	Vừ Thị Vàng	2020	Vừ A Dơ	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
113	Hạng A Lữ	2020	Hạng A Vàng	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
114	Hờ Nu Tri	2021	Hờ A Minh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
115	Vừ Thị Phương Linh	2021	Vừ A Và	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
116	Vừ A Minh	2021	Sùng Thị Đaur	160.000	Hộ nghèo	5	800	
117	Vừ Thị Nga	2021	Vừ A Phan	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
118	Vừ Chí Thành	2021	Vừ A Và	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
119	Giàng Thuỷ Trang	2021	Giàng A Minh	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
120	Ly A Chia	2019	Ly A Súa	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
121	Sùng Thị Nhung	2019	Sùng A Tầng	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
122	Sùng Quang Bảo	2019	Sùng A Dế	160.000	Hộ nghèo	5	800	
123	Giàng A Ký	2019	Giàng A Sù	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
124	Giàng Thị Dính	2019	Giàng A Dũa	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
125	Lầu Thị Ngọc Nhi	2019	Ly Thị Say	160.000	Vùng ĐBK	5	800	
126	Ly Thị Ghénh	2020	Ly A Tủa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
127	Giàng Thị Phương	2020	Giàng A Chổng	160.000	Vùng ĐBK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
128	Ly Thị Ngọc An	2020	Ly A Nếnh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
129	Ly A Dénh	2020	Giàng Thị Pàn	160.000	Vùng DBKK	5	800	
130	Sùng A Châu	2020	Sùng A Chung	160.000	Vùng DBKK	5	800	
131	Ly Thị Ngọc Phượn	2020	Ly A Sùng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
132	Ly Thị Phương	2020	Giàng Thị Chia	160.000	Vùng DBKK	5	800	
133	Sùng A Thảo	2020	Sùng A Thu	160.000	Vùng DBKK	5	800	
134	Lầu A Hồng	2020	Lầu A Máy	160.000	Vùng DBKK	5	800	
135	Ly Thị Vân	2020	Ly A Chư	160.000	Hộ nghèo	5	800	
136	Hạng Thị Công	2020	Hạng A Tàng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
137	Ly Thị Lan	2020	Sùng Thị Khánh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
138	Sùng Thị Ngọc Vân	2021	Sùng A Tàng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
139	Lầu Tuấn Kiệt	2021	Lầu A Minh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
140	Giàng Thị Ánh	2021	Giàng A Đức	160.000	Vùng DBKK	5	800	
141	Ly Minh Trang	2021	Ly A Ly	160.000	Vùng DBKK	5	800	
142	Ly A Tư	2021	Ly A Chống	160.000	Vùng DBKK	5	800	
143	Hờ Hùng Vương	2021	Hờ A Sáng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
144	Hờ Thị Thùy Linh	2021	Hờ A Chu	160.000	Vùng DBKK	5	800	
145	Ly Hoàng Tú	2021	Ly A Vàng	160.000	Vùng DBKK	5	800	
146	Giàng Thị Ly	2021	Giàng A Chống	160.000	Vùng DBKK	5	800	
147	Giàng A Sùng	2020	Giàng A Khứ	160.000	Vùng DBKK	5	800	
148	Hờ A Phong	2020	Hờ A Sai	160.000	Vùng DBKK	5	800	
149	Hờ A Sinh	2020	Hờ A Say	160.000	Hộ nghèo	5	800	
150	Hờ Thị Kim Ngân	2020	Hờ A Tùng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
151	Hờ Thị Váng	2020	Hờ A Chử	160.000	Vùng DBKK	5	800	
152	Giàng Thị Mai Sơ	2020	Giàng A Vênh	160.000	Vùng DBKK	5	800	
153	Lầu X Hồng Phong	2021	Lầu A Thấy	160.000	Vùng DBKK	5	800	
154	Hờ A Dũng	2021	Giàng Thị Dung	160.000	Vùng DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
155	Hồ Tuấn Anh	2021	Thào Thị Nụ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
156	Hồ Thị Duyên	2021	Hồ A Dơ	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
157	Giàng A Pô	2021	Giàng A San	160.000	Hộ nghèo	5	800	
158	Giàng T Kim Dung	2021	Giàng A Vênh	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
159	Lầu A Lu	2021	Lầu A Hờ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
160	Vàng Thị Dung	2021	Giàng A Húa	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
161	Giàng A Ký	2021	Giàng A Súa	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
162	Lầu Minh Hiếu	2021	Hạng Thị Thú	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
163	Hờ Mạnh Cừ	2021	Hờ A Lữ	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
164	Hờ T Ngọc Phương	2021	Hờ A Nénh	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
165	Lầu A Thành	2021	Lầu A Tú	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
166	Giàng A Nụ	2019	Giàng A Say	160.000	Hộ nghèo	5	800	
167	Giàng Thị Công	2019	Giàng A Trư	160.000	Hộ nghèo	5	800	
168	Lầu Thị May Sy	2019	Lầu A Hờ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
169	Hờ A Thành	2019	Hờ A Chu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
170	Hờ Thị Lía	2019	Hờ A Giàng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
171	Hờ Thị Thu Trang	2019	Hờ A Pó	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
172	Giàng Thị Pàn	2019	Giàng A Lầu	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
173	Lầu Ba Nam	2019	Lầu A Phủng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
174	Giàng A Đông	2019	Giàng A Vừ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
175	Giàng Thị Sơ	2019	Giàng A Hạng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
176	Hờ Thị Phương Ly	2019	Hờ A Lữ	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
177	Giàng Tuấn Anh	2019	Giàng A Vừ	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
178	Lầu Minh Phái	2019	Lầu A Chính	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
179	Lầu A Phong	2019	Lầu A Kháng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
180	Giàng Thị Phương	2020	Giàng A San	160.000	Hộ nghèo	5	800	
181	Hờ Quốc Huy	2020	Hờ A Hạng	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
182	Lầu Thị Ngọc Kim	2020	Lầu A Đảng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
183	Lầu Đức Long	2020	Lầu A Sáu	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	
184	Lầu Thị Mai Xa	2020	Lầu A Ký	160.000	Vùng ĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 13... /QĐ -UBND, ngày 21/3... năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MUỜNG PỒN								
1	Tòng Ngọc Hân	2019	Lù Thị Chính	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
2	Lò Thị Hà Phương	2019	Lù Thị Lại	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Lò Lâm Sung	2019	Quảng Thị Thiên	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Lù Phúc Thiện	2019	Lù Văn Tuấn	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Tòng Uyên Trang	2019	Quảng Thị Hương	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Quảng Thị Thu Trang	2019	Quảng Văn Hoàn	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Lò Tuệ Mẫn	2019	Lường Thị Lan	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Lò Thị Thu Ngân	2019	Lò Văn Thiên	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Lù Bích Ngọc	2019	Lò Thị Phương	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Lò Phan Việt Trung	2019	Lò Thị Ánh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Quảng Thu Phương	2019	Quảng Văn Huân	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Vì Thị Thanh Trà	2019	Vì Văn Ngẫu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Vì Thị Thanh Trúc	2019	Vì Văn Ngẫu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Quảng Duy Phúc	2019	Vũ Thị Thủy	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Quảng Anh Đức	2019	Vũ Thị Thủy	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Lường Thị Huyền	2019	Lò Thị Lả	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
17	Lường Thanh Mỹ	2019	Lò Thị Nghiên	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
18	Bùi Đức Anh	2020	Vì Thị Hoa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
19	Vì Ngọc Lan	2020	Vì Văn Long	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
20	Lù Thị Kim Thư	2020	Lù Văn Lún	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
21	Lò Hậu Thiên Ân	2020	Quảng Thị Kim Loan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
22	Lương Bảo Cúc	2020	Cà Thị Thương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
23	Lù Việt Dũng	2020	Lò Thị Hồng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
24	Quảng Thị Hương Ly	2020	Lù Thị Duyên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
25	Lù Thị Thảo Nguyễn	2020	Lò Thị Thuỷ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
26	Lò Phúc Thắng	2020	Quảng Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
27	Lò Minh Đức	2020	Lò Văn Thắng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
28	Lò Quốc Đạt	2020	Lù Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
29	Lù Hữu Bằng	2021	Lù Văn Chính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
30	Lò Anh Chun	2021	Lò Thị Tiến	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
31	Lù Hoàng Dương	2021	Lù Thị Yên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
32	Quảng Đức Duy	2021	Quảng Văn Dũng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
33	Lò Thị Như Ngọc	2021	Lò Thị Lanh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
34	Lò Minh Anh	2021	Lò Thị Xuyến	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
35	Lò Anh Dũng	2021	Lù Thị Lại	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
36	Lò Anh Thư	2021	Lù Thị Lại	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
37	Lương Nhật Hà	2021	Lù Thị Định	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
38	Lương Gia Huy	2021	Lò Thị Lan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
39	Lò Việt Long	2021	Lò Thị Tiếp	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
40	Lò Tuệ Nhi	2021	Lò Thị Ngân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
41	Lù Huy Hoàng	2021	Lù Văn Chính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
42	Lò Thị Ánh Tuyết	2021	Lò Thị Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
43	Lù Anh Phúc	2021	Lù Văn Thanh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
44	Lò Hiếu Hào	2019	Lò Thị Phương	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
45	Lò Thị Ngọc Huệ	2019	Chui Thị Hoa	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
46	Lò Đăng Khoa	2019	Lò Văn Phanh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
47	Lù Thị Thúy Mỹ	2019	Lù Thị Đào	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
48	Cà Thị Thúy Ngọc	2019	Lò Thị Mai	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
49	Lý Thị Linh Nhi	2019	Lý Văn Du	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
50	Cà Công Vinh	2019	Cà Thị Thanh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
51	Lò Hiếu Hào	2019	Lò Thị Hải	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
52	Quảng Gia Tuệ Lâm	2019	Quảng văn Ngu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
53	Khoảng Văn Hiệu	2019	Lường Thị Lan	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
54	Lường Đức Nhân	2019	Lường Văn Thanh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
55	Lò Anh Tuấn	2019	Lò Văn Hương	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
56	Quảng Bích Chi	2019	Quảng văn Huân	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
57	Quảng Bảo Ngọc	2019	Quảng Văn Kiên	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
58	Quảng Bảo Lộc	2019	Quảng Văn Thương	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
59	Lò Diễm Quỳnh	2020	Lò Văn Thính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
60	Quảng Bảo Lâm	2020	Quảng Văn Hoàn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
61	Lường Trí Nhân	2020	Lường Văn Huân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
62	Lường Khánh Linh	2020	Lường Thị Kim	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
63	Quảng Thị Bảo Ngọc	2020	Quảng Văn Thu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
64	Lò Duy Khanh	2020	Lò Văn Xuân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
65	Quảng Nguyên Khang	2020	Cà Thị Biên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
66	Lò Hồ Sung	2020	Lò Văn Tiến	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
67	Lù Minh Châu	2020	Lù Văn Bình	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
68	Quảng Phương Thùy	2020	Quảng Văn Hương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
69	Lù Thị Diệu Anh	2020	Lù Thị Hiền	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
70	Lường Gia Hoàng	2020	Lường Văn Phúc	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
71	Lò Ngọc Anh	2020	Lò Văn Lún	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
72	Lường Vi Vân Chi	2020	Lường Văn Thủy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
73	Lò Anh Mạnh	2020	Lò Văn Hồng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
74	Lù Lan Hương	2020	Lù Văn Tâm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
75	Quàng Thái Thành	2020	Quàng Thị Khuong	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
76	Hà Đức Phúc	2020	Lò Thị Út Thùy	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
77	Lò Nam Cung	2021	Lò Thị Xuân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
78	Cao Việt Anh	2021	Quàng Thị Thơm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
79	Lò Thị Thanh Nga	2021	Lò Thị Oì	160.000	Hộ nghèo	5	800	
80	Vị Quỳnh Chi	2021	Lương Thị Nguyên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
81	Cà Thị Ngọc Danh	2021	Lương Thị Hoa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
82	Lò Khánh Huy	2021	Lò Văn Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
83	Lù Bảo Long	2021	Lù Văn Đức	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
84	Lò Thị Minh Anh	2021	Lò Thị Toan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
85	Lò Hải Đăng	2021	Nguyễn Thị Thảo	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
86	Bùi Ngọc Minh Khánh	2021	Quàng Thị Thu Huế	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
87	Lầu Thị Ngọc Tuyết	2019	Lầu A Chai	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
88	Và Thị Xuân	2019	Và A Phía	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
89	Lý Thị Thảo Phương	2019	Lý A Minh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
90	Lý Hải Nam	2019	Mùa Thị May	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
91	Sùng Minh Quý	2019	Hờ Thị Chú	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
92	Lầu Thị Bảo Ngân	2020	Lầu A Hù	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
93	Giàng Thị Sùng	2020	Giàng A Hồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
94	Sùng Minh Đức	2020	Sùng A Tinh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
95	Sùng Nghi Lâm	2020	Mùa Thị Vá	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
96	Sùng Mạnh Quân	2020	Sùng A Tủa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
97	Giàng A Nam	2020	Giàng Thị Ly	160.000	Hộ nghèo	5	800	
98	Giàng A Bảo	2021	Giàng A Hồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
99	Hờ Thành Công	2021	Chá Thị Dợ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
100	Lầu Anh Vồ	2021	Lầu A Xó	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
101	Ly Thị Tuệ Nhi	2021	Mùa Thị May	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
102	Sùng Thị Nguyệt Ánh	2021	Sùng A Tính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
103	Ly Thị Trang	2021	Ly A Minh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
104	Hồ Gia Bảo	2019	Hồ A Hù	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
105	Hồ Thùy Trang	2019	Hồ A Dơ	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
106	Hồ Thị Phương Tấu	2019	Hồ A Chá	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
107	Hồ Thị Dung Nhi	2019	Hồ A Tháy	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
108	Hồ Thái Sơn	2019	Hồ A Mãng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
109	Hồ A Long	2019	Hồ A Nại	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
110	Hồ Thị Lan	2019	Hồ A Lầu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
111	Hồ Thị Pó	2019	Hồ A Dơ	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
112	Hồ A Chùa	2019	Hồ Sưa Vừ	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
113	Hồ Thị Phương Trinh	2019	Hồ A Chay	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
114	Hồ A Dành	2019	Hồ A Tráng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
115	Hồ A Vừ	2019	Hồ A Chu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
116	Ly A Cống	2019	Hồ Thị Cáng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
117	Hồ Thị Nhung	2020	Hồ A Lầu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
118	Hồ Thị Thu Phương	2020	Hồ A Vàng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
119	Hồ Nam Quân	2020	Hồ A Tháy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
120	Hồ A Sếnh	2020	Hồ Thị Mo	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
121	Hồ A Vàng	2020	Hồ A Sừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
122	Hồ A Đàng	2020	Hồ A Cờ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
123	Hồ Thị Nhi	2020	Hồ A Chìa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
124	Vàng A Tá	2020	Vàng A Sừ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
125	Hồ A Hương	2021	Hồ A Dơ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
126	Hồ Thị Thu Hương	2021	Giàng Thị Máy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
127	Hồ Thị Mỹ	2021	Hồ A Chua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
128	Hồ Bạch Sơn	2021	Hồ A Quý	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
129	Hồ A Súa	2021	Hồ A Chu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
130	Hồ Đắc Thành	2021	Hồ A Hù	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
131	Hồ A Tiến	2021	Hồ A Ký	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
132	Hồ Thị Linh Chi	2021	Hồ A Măng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
133	Hồ Thị Ngọc Yến	2021	Hạng Thị Dầu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
134	Hồ Văn Khánh	2021	Sùng Thị Trang	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
135	Vàng A Thu	2021	Vàng A Giảng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
136	Hồ Mạnh Duy	2021	Hồ A Chu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
137	Giảng Thị Ngọc Vân	2019	Giảng A Minh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
138	Sế Làn Dìa	2019	Sế A Cửa	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
139	Lầu Thị Dung	2019	Lầu A Lênh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
140	Chá Thị Giảng	2019	Chá A Bi	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
141	Giảng A Hải	2019	Giảng A Chó	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
142	Giảng Thị Ngọc Hươn	2019	Giảng A Dũng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
143	Giảng Thị Khoa	2019	Giảng Thị Tình	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
144	Chá Thị Thiên May	2019	Chá A Tùng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
145	Giảng Thị Mo	2019	Giảng A Chá	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
146	Giảng Thị Nữ	2019	Giảng A Tú	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
147	Chá Thị Oanh	2019	Chá A Dĩa	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
148	Giảng Ly Phổng	2019	Giảng A Lầu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
149	Giảng A Phong	2019	Giảng A Chia	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
150	Chá A Sy	2019	Chá A Chư	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
151	Giảng Đức Thi	2019	Giảng A Cả	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
152	Chá A Tỷ	2019	Chá A Minh	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
153	Lý A Đa	2019	Lý A Kâu	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	
154	Giảng Thị Ví	2019	Giảng Thị Dũa	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHDBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
155	Sê A Viên	2019	Sê A Chá	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
156	Chá Thị Thanh Xuân	2019	Chá A Thắng	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
157	Giàng A Chơ	2019	Và Thị Cho	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
158	Chá Thị Ánh Thơ	2019	Chá A Sáy	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
159	Giàng Thị Ánh Thơ	2019	Giàng A Dĩa	160.000	Trẻ 5T-ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
160	Lầu Linh Đan	2020	Lầu A Thanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
161	Chá Thị Nguyệt Nhi	2020	Chá A Lầu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
162	Giàng A Thính	2020	Giàng A Dua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
163	Giàng A Mua	2020	Vàng Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
164	Lầu A Toán	2020	Lầu A Minh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
165	Sê A Công	2020	Chá A Chư	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
166	Chá A Vành	2020	Chá A Páo	160.000	HỘ NGHÈO	5	800	
167	Giàng Kim Yên	2020	Giàng A Dé	160.000	HỘ NGHÈO	5	800	
168	Chá Thị Dừa	2020	Chá A Chư	160.000	HỘ NGHÈO	5	800	
169	Giàng Thị Nhi	2020	Giàng A Sớ	160.000	HỘ NGHÈO	5	800	
170	Lầu Thị Thoa	2020	Lầu A Mạnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
171	Chá A Tiền	2020	Chá A Lồng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
172	Chá Thị Kiều Phương	2020	Chá A Sừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
173	Giàng Thị Di	2020	Giàng A Chá	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
174	Giàng Chu Đức	2020	Giàng A Cờ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
175	Giàng A Hoàn	2021	Giàng A Dua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
176	Chá Thị Thơm	2021	Chá A Thắng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
177	Chá Thị Nhấn Tuyết	2021	Chá A Pó	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
178	Lý Súa Di	2021	Lý A Kâu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
179	Giàng A Say	2021	Giàng A Minh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
180	Sê A Tuấn	2021	Sê A Dĩa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
181	Chá Thị Chi	2021	Chá A Gấu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
182	Chá Chí Kiên	2021	Chá A Sai	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
183	Giàng Thị Linh Nhi	2021	Sùng Thị Đình	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
184	Chá Thị Vân	2021	Chá A Bì	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
185	Chá Ngọc Loan	2021	Chá A Dạy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
186	Chá Thị Nhung	2021	Chá Thị Bầu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
187	Giàng Thị Mai Ong	2021	Giàng A Tở	160.000	Hộ nghèo	5	800	
188	Giàng Thị Nhi	2021	Giàng A Khua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
189	Lầu Thiên Ân	2021	Lầu A Cường	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
190	Giàng A Thư	2021	Vàng Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
191	Giàng A Phong	2021	Giàng A Phái	160.000	Hộ nghèo	5	800	
192	Lầu Thị Như	2021	Lầu A Lệnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
193	Giàng Quang Khai	2021	Giàng A Dĩa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
194	Giàng Trà Mỹ	2021	Giàng Thị Dá	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 05 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 22.1.5 /QĐ -UBND, ngày 22 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ MƯỜNG PỒN								
1	Lò Thị Nhã Uyên	2019	Lò Thị Thương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
2	Lò Thu Huyền	2019	Quảng Thị Hạnh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
3	Lường Thu Trang	2019	Quảng Thị Hoan	160.000	Khuyết tật+Hộ nghèo	5	800	
4	Lò Duy Dụng	2019	Lò Văn Xóm	160.000	Xã ĐBK	5	800	
5	Lò Xuân Trạm	2019	Lò Văn Sẻ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
6	Lò Hải Đăng	2019	Lò Văn Lâm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
7	Quảng Thị Đào	2019	Quảng Thị Chồi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
8	Cà Thành Minh	2019	Cà Văn Thành	160.000	Xã ĐBK	5	800	
9	Lò Hải An	2019	Lò Thị Hương	160.000	Xã ĐBK	5	800	
10	Lò Phi Hùng	2019	Lò Thị Hồng Linh	160.000	Xã ĐBK	5	800	
11	Quảng Long Tường	2019	Lò Thị Lanh	160.000	Xã ĐBK	5	800	
12	Lường Gia Hưng	2019	Lường Văn Bắc	160.000	Xã ĐBK	5	800	
13	Lò Thị Linh Sơn	2019	Lò Thị Thơ	160.000	Xã ĐBK	5	800	
14	Lò Anh Đức	2019	Lò Thị Luyến	160.000	Xã ĐBK	5	800	
15	Lò Văn Lâm	2019	Lò Thị Cảnh	160.000	Xã ĐBK	5	800	
16	Nguyễn Hà Linh	2019	Lò Thị Thoại	160.000	Xã ĐBK	5	800	
17	Lò Thị Trâm Anh	2019	Lò Văn Điện	160.000	Xã ĐBK	5	800	
18	Lò Gia Hưng	2019	Lò Thị Cúc	160.000	Xã ĐBK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK tài trợ toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-Xã DBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
19	Vàng Thị Gấu	2019	Vàng A Phòng	160.000	Xã DBKK	5	800	
20	Giàng Thị Xi	2019	Giàng A Lâu	160.000	Xã DBKK	5	800	
21	Lò Hải Đăng	2019	Lò Thị Huệ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
22	Quàng Văn Phong	2019	Quàng Thị Doan	160.000	Hộ nghèo	5	800	
23	Lò Văn Chiến	2019	Lò Văn Nhện	160.000	Xã DBKK	5	800	
24	Lò Thanh Thư	2019	Lò Văn Quyết	160.000	Xã DBKK	5	800	
25	Lò Minh Đức	2019	Lò Thị Nhung	160.000	Xã DBKK	5	800	
26	Lò Thị Ngọc Yến	2019	Lò Thị Khiêm	160.000	Xã DBKK	5	800	
27	Quàng Bảo An	2019	Quàng Thị Viên	160.000	Xã DBKK	5	800	
28	Quàng Thị Thảo Bông	2019	Quàng Thị Viên	160.000	Xã DBKK	5	800	
29	Quàng Khôi Phúc	2019	Quàng Văn Thân	160.000	Xã DBKK	5	800	
30	Lý Thị Bích	2019	Lý Thị Chuyền	160.000	Hộ nghèo	5	800	
31	Lý Văn Dũng	2019	Lý Văn Dương	160.000	Xã DBKK	5	800	
32	Cà Ngọc Diệp	2019	Cà Thị Nga	160.000	Xã DBKK	5	800	
33	Lê Công Vinh	2019	Cà Thị Thiên	160.000	Xã DBKK	5	800	
34	Cà Hải Đăng	2019	Quàng Thị Loan	160.000	Xã DBKK	5	800	
35	Lò Mỹ Lệ	2019	Lý Thị Lả	160.000	Xã DBKK	5	800	
36	Lò Thị Hân	2019	Lò Thị Nàng	160.000	Xã DBKK	5	800	
37	Lò Như Quỳnh	2019	Quàng Thị Bua	160.000	Xã DBKK	5	800	
38	Lý Tuyết Nhung	2019	Lý Thị Biên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
39	Lò Minh Khang	2020	Quàng Thị Diên	160.000	Xã DBKK	5	800	
40	Lò Minh Duy	2020	Quàng Thị Cương	160.000	Xã DBKK	5	800	
41	Lò Thị Thanh Nhân	2020	Lò Văn Hiến	160.000	Xã DBKK	5	800	
42	Lường Tuấn Khải	2020	Vì Thị Ngân	160.000	Xã DBKK	5	800	
43	Quàng Ngọc Bảo	2020	Lò Thị Bình	160.000	Xã DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
44	Quảng Thị Thủy Linh	2020	Quảng Thị Y	160.000	Hộ nghèo	5	800	
45	Lò Minh Vương	2020	Lò Văn Thịnh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
46	Quảng Minh Khang	2020	Quảng Thị Tuyền	160.000	Hộ nghèo	5	800	
47	Lường Duy Thành	2020	Quảng Thị Thu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
48	Lò Thị Thảo	2020	Lò Thị Viên	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
49	Lò Văn Tứ	2020	Lò Văn Hoàn	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
50	Lò Phúc Hưng	2021	Lù Thị Thơ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
51	Quảng Thị Trương Tuyền	2021	Quảng Thị Loan	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
52	Lò Thanh Tùng	2021	Lò Thị Cương	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
53	Lường Thị Thảo Vy	2021	Lường Văn Đông	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
54	Lù Minh Hoàng	2021	Lò Thị Hằng	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
55	Khoàng Hiệu Dũng	2021	Lò Thị Vân	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
56	Lường Đức Phúc	2021	Lường Văn Diên	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
57	Lò Đức Thiện	2021	Lò Văn Điệp	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
58	Lò Thị Kiều Trang	2021	Lò Văn Thịnh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
59	Quảng Bảo Thiên	2021	Lò Thị Minh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
60	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	2021	Nguyễn Văn Thắng	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
61	Cà Khang Việt	2021	Cà Văn Thi	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
62	Quảng Thị Minh Thúy	2021	Lò Thị Mai	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
63	Lù Hương Giang	2021	Lù Văn Quyết	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
64	Sùng A Chính	2020	Sùng A Súa	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
65	Giàng A Vang	2020	Giàng A Páo	160.000	Hộ nghèo	5	800	
66	Sùng A Phòng	2020	Sùng A Lạ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
67	Sùng A Sý	2020	Sùng A Tồng	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
68	Sùng A Minh	2021	Sùng A Dĩa	160.000	Xã ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ tài khoản toàn qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
69	Chàng A Lù	2021	Chàng A Thương	160.000	Hộ nghèo	4	640	
70	Lò Văn Hưng	2020	Lò Thị Chính	160.000	Xã DBKK	5	800	
71	Quàng Thanh Thu	2020	Quàng Văn Mai	160.000	Xã DBKK	5	800	
72	Lò Thanh Vương	2020	Lò Văn Mậu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
73	Lò Minh Tuấn	2020	Lò Văn Xiên	160.000	Xã DBKK	5	800	
74	Cà Duy Thành	2020	Cà Văn Cương	160.000	Xã DBKK	5	800	
75	Quàng Thị Thảo Uyên	2020	Lò Thị Minh	160.000	Xã DBKK	5	800	
76	Quàng Hà Vy	2021	Cà Thị Lả	160.000	Xã DBKK	5	800	
77	Cà Trâm Anh	2021	Lò Thị Vân	160.000	Xã DBKK	5	800	
78	Lò Thị Phương Anh	2021	Lò Thị Xiên	160.000	Xã DBKK	5	800	
79	Lò Quang Hải	2021	Lò Văn Nhện	160.000	Xã DBKK	5	800	
80	Lý Thị Thủy Duyên	2021	Lý Văn Doi	160.000	Xã DBKK	5	800	
81	Lường Hạo Nguyên	2021	Lường Văn Tỉnh	160.000	Xã DBKK	5	800	
82	Lò Thị Ngọc Ánh	2021	Lý Thị Lả	160.000	Xã DBKK	5	800	
83	Cà Anh Tú	2021	Quàng Thị Loan	160.000	Xã DBKK	5	800	
84	Lò Thị Thu Trang	2021	Lò Thị Chính	160.000	Xã DBKK	5	800	
85	Chá Thị Gầu Kĩa	2019	Chá A Lả	160.000	Xã DBKK	5	800	
86	Chá A Sà	2019	Chá A Cầu	160.000	Xã DBKK	5	800	
87	Vàng A Đức	2019	Vàng A Phòng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
88	Chá Thị Ê Ly	2019	Chá A Dúng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
89	Vàng Hồng Ân	2019	Vàng A Cầu	160.000	Xã DBKK	5	800	
90	Chá Thị Ny	2019	Chá A Têng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
91	Vàng Thị Ly La	2019	Vàng A Há	160.000	Hộ nghèo	5	800	
92	Vàng A Dể	2019	Vàng A Lừ	160.000	Xã DBKK	5	800	
93	Hờ A Chá	2019	Hờ Thị Ly	160.000	Xã DBKK	5	800	



TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-ĐHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 4 tháng cuối năm 2024	Ghi chú
94	Vàng Thị Hân	2020	Vàng A Gấu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
95	Vàng Thị Linh	2020	Vàng A Phong	160.000	Hộ nghèo	5	800	
96	Chá Thị Phương	2020	Chá A Cây	160.000	Hộ nghèo	5	800	
97	Vàng A Tấu	2020	Vàng A Say	160.000	Hộ nghèo	5	800	
98	Chá A Thành	2020	Chá A Lòng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
99	Vàng A Thiên	2020	Vàng A Tùng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
100	Vàng Thị Chan	2020	Vàng A Tùa	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
101	Vàng A Tú	2020	Vàng A Dơ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
102	Vàng Thị Vi	2020	Vàng A Vần	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
103	Vàng Thị Đúa	2020	Vàng A Cơ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
104	Vàng Thị Vân Trắng	2020	Vàng A Há	160.000	Hộ nghèo	5	800	
105	Vàng Thị Ía	2020	Vàng A Mua	160.000	Hộ nghèo	5	800	
106	Chá Thị Minh Châu	2021	Chá A Chớ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
107	Vàng Thị Lưu Linh	2021	Vàng A Thuận	160.000	Hộ nghèo	5	800	
108	Vàng A Nam	2021	Vàng A Lữ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
109	Vàng A Châu	2021	Vàng A Chứ	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
110	Chá Thành Đạt	2021	Chá A Vần	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
111	Chá Thị Sinh	2021	Chá A Vư	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
112	Chá Thị Thanh Thủy	2021	Chá A Dinh	160.000	Xã ĐBKK	5	800	
113	Chá A Đình	2021	Chá A Tềng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
114	Chá A Lân	2021	Chá A Bí	160.000	Hộ nghèo	5	800	
115	Chá A Tính	2021	Chá A Thanh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
116	Vàng Thị Chía	2021	Vàng Thị Ong	160.000	Hộ nghèo	5	800	

**PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số: 243/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ HỆ MUỐNG								
1	Quảng Ngọc Hân	2019	Quảng Văn Lưu	160.000	Xã KV 3	5	800	
2	Lường Mai Chi	2019	Lò Thị Hà	160.000	Xã KV 3	5	800	
3	Lò Mạnh Giang	2019	Lò Thị Hương	160.000	Xã KV 3	5	800	
4	Lò Đăng Khoa	2019	Lò Văn Quang	160.000	Xã KV 3	5	800	
5	Lò Minh Tuyết	2019	Quảng Thị Pánh	160.000	Xã KV 3	5	800	
6	Lương Thị Như Quỳnh	2019	Quảng Thị Sơn	160.000	Xã KV 3	5	800	
7	Lò Minh Khôi	2020	Lò Văn Diên	160.000	Xã KV 3	5	800	
8	Lò Huy Hoàng	2020	Lò Thị Thơ	160.000	Xã KV 3	5	800	
9	Lường Bảo Ngọc	2020	Lường V Tình	160.000		5	800	
10	Cà Hồng Nhung	2020	Cà Văn Nghiên	160.000	Xã KV 3	5	800	
11	Đèo Kim Oanh	2020	Tòng Thị Tháo	160.000	Xã KV 3	5	800	
12	Quảng Đức Phúc	2020	Quảng Văn Út	160.000	Xã KV 3	5	800	
13	Lò Đức Thành	2020	Lò Thị Dân	160.000	Xã KV 3	5	800	
14	Quảng Thanh Trúc	2020	Quảng Thị Bích	160.000	Xã KV 3	5	800	
15	Lường Hà Vy	2020	Lò Thị Khiên	160.000	Xã KV 3	5	800	
16	Lò Hải Yến	2020	Lò Văn Đoan	160.000	Xã KV 3	5	800	
17	Quảng T Bảo Châu	2020	Quảng Văn Phụng	160.000	Xã KV 3	5	800	
18	Đèo Thị Nhi	2020	Đèo Văn Dũng	160.000	Xã KV 3	5	800	
19	Quảng Quốc Kiên	2020	Lò Thị Ngương	160.000	Xã KV 3	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
20	Tòng Đức Huy	2021	Tòng Văn Minh	160.000	Xã KV 3	5	800	
21	Quảng Khánh Ly	2021	Quảng Thị Yên	160.000	Xã KV 3	5	800	
22	Quảng Duy Phú	2021	Tòng Thị Thoan	160.000	Xã KV 3	5	800	
23	Lò Thị Thảo Vy	2021	Lò Thị Xuyên	160.000	Xã KV 3	5	800	
24	Cà Nhật Minh	2021	Lò Thị Hằng	160.000	Xã KV 3	5	800	
25	Lường Bảo Quý	2021	Lường Văn Biên	160.000	Xã KV 3	5	800	
26	Đèo Bích Phương	2021	Đèo Văn Dũng	160.000	Xã KV 3	5	800	
27	Nguyễn Khánh Linh	2021	Quảng Thu Hà	160.000	Xã KV 3	5	800	
28	Bạc Duy Anh	2021	Bạc Cẩm Tại	160.000	Xã KV 3	5	800	
29	Cà Thiên Bảo	2021	Lò Thị Thư	160.000	Xã KV 3	5	800	
30	Lò Anh Chiêu	2021	Lò Thị Hạnh	160.000	Xã KV 3	5	800	
31	Tòng Khánh Duy	2021	Quảng Thị Minh	160.000	Xã KV 3	5	800	
32	Tòng Thảo Nhi	2021	Tòng Văn Nhuận	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
33	Vì Mạnh Trường	2021	vì thị phương	160.000	Xã KV 3	5	800	
34	Lò Đăng Khoa	2021	Hùng Thị Niêm	160.000	Xã KV 3	5	800	
35	Lường Hạo Vũ	2021	Tòng Thị Vui	160.000	Xã KV 3	5	800	
36	Lường Minh Hùng	2021	Lò Văn Chung	160.000	Xã KV 3	5	800	
37	Lường Ngọc Vy	2021	Quảng Thị Dương	160.000	Xã KV 3	5	800	
38	Lò Quốc Định	2020	Lường Thị Dịp	160.000	Xã KV 3	5	800	
39	Cút Thiên Hậu	2020	Cút Văn Cảnh	160.000	Xã KV 3	5	800	
40	Cút Khánh Phong	2020	Cút Thị Hoa	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
41	Lò Thiên Ân	2020	Tòng Thị Thơm	160.000	Xã KV 3	5	800	
42	Lò Mỹ Dung	2020	Lò Văn Minh	160.000	Xã KV 3	5	800	
43	Lò Xuân Ước	2020	Lò Văn Mười	160.000	Xã KV 3	5	800	
44	Lường Nhật Anh	2020	Lường Văn Trị	160.000	Xã KV 3	5	800	
45	Sùng A Cảnh	2019	Mùa Thị Dợ	160.000	Xã KV 3	5	800	
46	Lý Thị Ngọc Chi	2019	Giảng Thị Thành	160.000	Xã KV 3	5	800	
47	Giảng A Hù	2019	Vàng Thị Khoa	160.000	Xã KV 3	5	800	
48	Vàng Thông Minh	2019	Vàng A Thỉnh	160.000	Xã KV 3	5	800	
49	Lý A Phong	2019	Và Thị Vĩ	160.000	Xã KV 3	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
50	Lý A Thái	2019	Quảng Thị Mai	160.000	Xã KV 3	5	800	
51	Sùng A Thái	2019	Giảng Thị Rúa	160.000	Xã KV 3	5	800	
52	Lý Thành Đạt	2019	Giảng Thị Sau	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
53	Vàng Anh Long	2019	Vàng A Di	160.000	Xã KV 3	5	800	
54	Vàng Thị Dung	2019	Sùng Thị Tổng	160.000	Xã KV 3	5	800	
55	Sùng Thị Hồng Liên	2019	Vàng Thị Bầu	160.000	Xã KV 3	5	800	
56	Vàng Thị Thùy Linh	2019	Vàng A Hồng	160.000	Xã KV 3	5	800	
57	Vàng Sơn Minh	2019	Vàng A Mua	160.000	Xã KV 3	5	800	
58	Giảng A Phòng	2019	Giảng A Dế	160.000	Xã KV 3	5	800	
59	Giảng Pà Vùa	2019	Giảng A Sính	160.000	Xã KV 3	5	800	
60	Vàng Thị Sênh	2019	Vàng A Ly	160.000	Xã KV 3	5	800	
61	Sùng Ngọc Linh	2019	Vàng Thị Ông	160.000	Xã KV 3	5	800	
62	Giảng Thị Ánh	2020	Giảng A Chàng	160.000	Xã KV 3	5	800	
63	Vàng Thị Hà Linh	2020	Vàng A Dế	160.000	Xã KV 3	5	800	
64	Giảng T Phương Thảo	2020	Vừ Thị Mai	160.000	Xã KV 3	5	800	
65	Lý A Sơn	2020	Vàng Thị Lan	160.000	Xã KV 3	5	800	
66	Sùng A Vừ	2020	Sùng A Trứ	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
67	Lò T Thùy Dương	2019	Lò Thị Trinh	160.000	Xã KV 3	5	800	
68	Lò Gia Hùng	2019	Quảng Thị Phong	160.000	Xã KV 3	5	800	
69	Lường Ngọc Diệp	2019	Lường Thị Tâm	160.000	Xã KV 3	5	800	
70	Lò T Tuyết Mai	2019	Lò Văn Cương	160.000	Xã KV 3	5	800	
71	Lò T Thanh Trúc	2019	Lò Văn Quyên	160.000	Xã KV 3	5	800	
72	Lò T Kiều Oanh	2019	Lò Văn Khánh	160.000	Xã KV 3	5	800	
73	Cà Thị Hoa	2019	Lò Thị Kiên	160.000	Xã KV 3	5	800	
74	Lò Thị Ngọc Bích	2020	Lò Thị Nguyên	160.000	Xã KV 3	5	800	
75	Lò Quốc Duy	2020	Lò Văn Nghiêm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
76	Lò An Nhiên	2020	Lò Văn Linh	160.000	Xã KV 3	5	800	
77	Lò Trọng Việt	2020	Lò Văn Sơn	160.000	Xã KV 3	5	800	
78	Lường Mạnh Quân	2020	Lò Thị Chập	160.000	Xã KV 3	5	800	
79	Tòng Toàn Thắng	2021	Quảng Thị Ün	160.000	Xã KV 3	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
80	Cà Ánh Nguyệt	2021	Cà Thị Cu	160.000	Xã KV 3	5	800	
81	Lò Anh Đạt	2021	Lò Văn Tiến	160.000	Xã KV 3	5	800	
82	Sầm Ngọc Nhi	2020	Sầm Văn Khiêm	160.000	Xã KV 3	5	800	
83	Quảng T. Hồng Ngọc	2020	Quảng Thị Xiên	160.000	Nghèo	5	800	
84	Tòng Thị Chinh	2020	Lò Thị Tươi	160.000	Xã KV 3	5	800	
85	Quảng Quỳnh Trang	2020	Lương Thị Hân	160.000	Xã KV 3	5	800	
86	Lò Ngọc Hà	2019	Lò Văn Thủy	160.000	Nghèo	5	800	
87	Cút Văn Phúc	2021	Cút Thị Dương	160.000	Xã KV 3	5	800	
88	Lò Diệu Huyền	2019	Hùng Thị Long	160.000	Xã KV 3	5	800	
89	Lò Ngọc Lệ	2019	Lò Văn Mươi	160.000	Xã KV 3	5	800	
90	Quảng Ngọc Hà	2019	Quảng Văn Việt	160.000	Xã KV 3	5	800	
91	Quảng Duy Trần	2019	Lò Thị Lum	160.000	Xã KV 3	5	800	
92	Quảng Mai Trang	2019	Quảng Văn Việt	160.000	Xã KV 3	5	800	
93	Lò Tùng Anh	2019	Chèo A Chiêu	160.000	Xã KV 3	5	800	
94	Lò Huy Hoàng	2019	Lò Văn Công	160.000	Xã KV 3	5	800	
95	Lò Gia Phát	2019	Lò Thị Nga	160.000	Xã KV 3	5	800	
96	Lò Thị Hải Yến	2019	Lò Văn Tâm	160.000	Xã KV 3	5	800	
97	Vũ Tiến Đạt	2020	Cà Thị Xoan	160.000	Xã KV 3	5	800	
98	Lù Hoàng Châu	2021	Lù Văn Xôm	160.000	Xã KV 3	5	800	
99	Lò Hồng Diễm	2021	Lò Thị Hải	160.000	Hộ nghèo	5	800	
100	Lương Việt Hào	2021	Lương Văn Đông	160.000	Xã KV 3	5	800	
101	Cà Kiến Văn	2021	Cà Văn Chính	160.000	Xã KV 3	5	800	
102	Trương Minh Hai	2021	Quảng Thị Oanh	160.000	Xã KV 3	5	800	
103	Đặng Thanh Nhân	2021	Lương Thị Thu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
104	Lương Duy Thành	2021	Lò Thị Thùy Nhon	160.000	Xã KV 3	5	800	
105	Lò Thảo Vân	2021	Lương Thị Quyết	160.000	Xã KV 3	5	800	
106	Lương Nhật Anh	2020	Lương Văn Xôm	160.000	Xã KV 3	5	800	
107	Lương Minh Anh	2020	Lương Văn Thông	160.000	Xã KV 3	5	800	
108	Lò Minh Tân	2020	Quảng Thị Giót	160.000	Xã KV 3	5	800	
109	Tòng Quốc Việt	2020	Tòng Văn Hiên	160.000	Xã KV 3	5	800	
110	Lương Diệu Linh	2020	Lương Văn Hiếu	160.000	Xã KV 3	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (me) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
111	Lò Vũ Tùng Lâm	2020	Lò Văn So	160.000	Bản ĐBK	5	800	
112	Lường Hải Việt	2020	Quảng Thị Thơm	160.000	Xã KV 3	5	800	
113	Trương Thiên Ân	2020	Chào U Mấy	160.000	Xã KV 3	5	800	
114	Lò Thị Hương Giang	2019	Lò Văn Thân	160.000	Xã KV 3	5	800	
115	Lò Trung Kiên	2019	Lường Thị Hương	160.000	Xã KV 3	5	800	
116	Lò Ngọc Mai	2019	Lò Thị Bích	160.000	Xã KV 3	5	800	
117	Lường Thị Như Ngọc	2019	Đặng Văn Niên	160.000	Xã KV 3	5	800	
118	Lường Minh Quang	2019	Lường Thị Bình	160.000	Xã KV 3	5	800	
119	Lò Ngọc San	2019	Lò Văn Khiên	160.000	Xã KV 3	5	800	
120	Lò Đình Tạng	2019	Trương Thị Chung	160.000	Xã KV 3	5	800	
121	Lò Anh Tuấn	2019	Lò Văn Thanh	160.000	Xã KV 3	5	800	
122	Lò Ngọc Bích	2019	Lò Văn Kim	160.000	Xã KV 3	5	800	
123	Tòng Thị Thu Hằng	2019	Tòng Văn Thanh	160.000	Xã KV 3	5	800	
124	Lường Thúy Vân	2019	Lường Văn Tổ	160.000	Xã KV 3	5	800	
125	Quảng Quang Dũng	2019	Lò Văn Hưởng	160.000	Xã KV 3	5	800	
126	Lò Bảo An	2020	Lò Thị Nhân	160.000	Xã KV 3	5	800	
127	Lò Văn Thế Khang	2021	Lường Thị Dũng	160.000	Xã KV 3	5	800	
128	Phạm Hà Phương	2020	Hoàng Thị Quy	160.000	Xã KV 3	5	800	
129	Vàng A Chung	2020	Sùng Thị Dưa	160.000	Xã KV 3	5	800	
130	Vàng Ngọc Nam	2020	Vàng A Chu	160.000	Xã KV 3	5	800	
131	Vàng A Sơn	2020	Giảng Thị Húa	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
132	Sùng Trường Hải	2020	Giảng Thị Rúa	160.000	Xã KV 3	5	800	
133	Vàng Xinh Ka	2020	Vàng A Sừ	160.000	Xã KV 3	5	800	
134	Lý Phi Lít	2020	Lý A Cù	160.000	Xã KV 3	5	800	
135	Vàng A La	2020	Sùng A Sơn	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
136	Vàng Thị Dung	2020	Lầu Thị So	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
137	Vàng Thị Pà	2020	Vàng A Chư	160.000	Xã KV 3	5	800	
138	Vàng Mai Trang	2020	Vàng A Di	160.000	Xã KV 3	5	800	
139	Vàng Thị Dinh	2020	Vàng A Hừ	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
140	Sùng Ngọc Dúa	2021	Mùa Thị Dợ	160.000	Xã KV 3	5	800	
141	Sùng Ngọc Chi	2021	Giảng Thị Xua	160.000	Hộ Nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
142	Lý Anh Kiệt	2021	Giàng Thị Sầu	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
143	Vàng Hải Đăng	2021	Vàng A Mua	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
144	Vàng A Cảnh	2021	Vàng A Chu	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
145	Vừ Thị Linh	2021	Vừ Thị Báu	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
146	Sùng Trung Hiếu	2021	Vàng Thị Ông	160.000	Xã KV 3	5	800	
147	Lý T Như Quỳnh	2021	Giàng Thị Thành	160.000	Xã KV 3	5	800	
148	Vàng A Tuấn	2021	Sùng Thị Sinh	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
149	Sùng A Vênh	2021	Vàng Thị Chứ	160.000	Xã KV 3	5	800	
150	Sùng A Dương	2021	Lầu Thị Dợ	160.000	Xã KV 3	5	800	
151	Vàng A Dơ	2021	Vàng A Ly	160.000	Hộ Nghèo	5	800	
152	Vàng Thị Giàng	2021	Lầu Thị Dợ	160.000	Xã KV 3	5	800	
153	Vừ Duy Chung	2021	Vừ Thị Phương	160.000	Xã KV 3	5	800	
154	Sùng Thị Mai	2021	Vàng Nhia Hà	160.000	Xã KV 3	5	800	



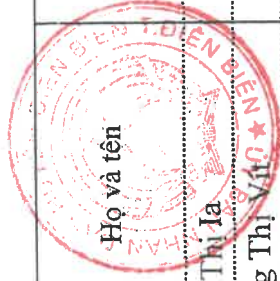
PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020 TỪ THÁNG 01 -> THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 2.13 /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON XÃ MƯỜNG NHÀ								
1	Lò Thanh Tùng	2021	Lò Văn Quyết	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
2	Vàng Xuân Trường	2021	Vàng A Chía	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
3	Vàng Anh Vy	2021	Vừ A Công	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Và Minh Hiếu	2021	Sùng Thị Thái Chu	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Và A Nu	2019	Sùng Thị Thái Chu	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Lầu A Thénh	2019	Lầu A Dĩa	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Nguyễn.N.Bảo Phúc	2019	Nguyễn Ngọc Dũng	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Nguyễn.N.Bảo Khang	2019	Nguyễn Ngọc Dũng	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Lầu Thành Lập	2019	Lầu A Nénh	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Hạ Ngọc Tú	2019	Hạ A Chu	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Vừ Bảo Long	2020	Vừ A Há	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Sùng Anh Tuấn	2020	Sùng A Thái	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Sùng Minh An	2020	Vừ Thị Súa	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
14	Lò Trinh Minh Quang	2020	Trịnh Thị Yên	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Lầu Quyết Thắng	2020	Lầu A Pó	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Vừ Ánh Ngọc	2020	Vừ A Hồ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
17	Lầu Thị Hoa	2020	Lầu A Cu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
18	Mùa Mạnh Hùng	2020	Phàng Thị Tấu	160.000	Xã có ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
19	Lâu Quang Bảo	2021	Thảo Thị Tấu	160.000	Xã có ĐKKT-XHDBKK	5	800	
20	Giảng Quang Hải	2021	Giảng A Lồng	160.000	Xã có ĐKKT-XHDBKK	5	800	
21	Hàng A Tĩnh	2021	Hàng A Sang	160.000	Xã có ĐKKT-XHDBKK	5	800	
22	Lương Thái Hoàng	2021	Lương Văn Lý	160.000	Hộ nghèo	5	800	
23	Vư Thiên Hà	2021	Sùng A Dia	160.000	Xã có ĐKKT-XHDBKK	5	800	
24	Hoàng Gia Khanh	2020	Lò Thị Thương	160.000	Thôn, bản DBKK	5	800	
25	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	2019	Lò Thị Hương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
26	Lò Việt Quốc	2019	Lò Văn Phóng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
27	Lương Thị Hà Vy	2020	Quảng Thị Ninh	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
28	Thảo Thị Vy	2020	Thảo A Chua	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
29	Sùng A Châu	2020	Sùng A Công	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
30	Sùng A Minh	2020	Sùng A chú	160.000	Hộ nghèo	5	800	
31	Thảo A Tâm	2019	Thảo A Tủa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
32	Cư Thị Lan	2019	Cư A Dia	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
33	Vàng Chấn Phong	2019	Vàng Thị Súa	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
34	Cư Dương Phi	2020	Cư A S6	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
35	Thảo Ly Na	2021	Thảo A Châu	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
36	Thảo Ánh Hoa	2019	Thảo A Châu	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
37	Sùng Thị Kim Chi	2020	Sùng A Thái	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
38	Sùng Duy Kiên	2021	Sùng A Tả	160.000	Hộ cận nghèo	5	800	
39	Sùng Hai Đăng	2019	Ly Thị Chinh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
40	Vàng A Hừ	2019	Vàng A Chó	160.000	Hộ nghèo	5	800	
41	Lầu A Di	2019	Hàng Thị Và	160.000	Hộ nghèo	5	800	
42	Ly Ngọc Anh	2019	Hạ Thị Và	160.000	Thôn, bản DBKK	5	800	
43.	Giảng A Chénh	2019	Giảng A Dia	160.000	Hộ nghèo	5	800	
44	Giảng A Như	2020	Giảng A Vénh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
45	Mùa Thị Lú	2020	Mùa A Tủa	160.000	Hộ nghèo	5	800	



TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
46	Lâu Thị Ja	2020	Lâu A Chua	160.000	Hộ nghèo	5	800	
47	Vàng Thị Vít	2020	Vàng A Sà	160.000	Hộ nghèo	5	800	
48	Giàng Thị Thu	2020	Giàng A Dia	160.000	Hộ nghèo	5	800	
49	Ly Thị La	2021	Hạ Thị Vá	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
50	Vàng Thị Ánh	2021	Vàng A Sà	160.000	Hộ nghèo	5	800	
51	Sông A Na	2021	Sông Bà Sùng	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
52	Hạ A Tùng	2019	Hạ A Sáu	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
53	Hạ Thị Mai	2019	Hạ A Sênh	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
54	Vừ A Định	2019	Vừ A Tro	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
55	Vừ Thị Mai	2019	Vừ A Sênh	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
56	Hạ A Vĩ	2019	Vừ Thị Đi	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
57	Hạ A Phênh	2019	Hạ A Chổng	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
58	Vừ A Phóng	2019	Vừ A Say	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
59	Vừ A Tá	2020	Vừ A Dénh	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
60	Hạ A Sơn	2020	Vừ Thị Sư	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
61	Hạ Thị Dừa	2020	Hạ A Dính	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
62	Hạ Thị Cống	2020	Hạ A Tủa	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
63	Vừ A Xanh	2020	Vàng Thị Vừ	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
64	Vừ A Chí	2019	Vừ A Gừ	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
65	Vừ Thùy Linh	2019	Vừ A Tủa	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
66	Giàng A Khánh	2019	Giàng A Và	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
67	Vừ Thị Lia	2019	Vừ A Chừ	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
68	Hạ Thị Mại	2019	Hạ Gà Thái	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
69	Thào A Sai	2019	Thào A Cho	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
70	Lâu A Tuấn	2019	Hạ Thị Lia	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
71	Hạ Thị Dừa Chi	2020	Hạ A Hồng	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	
72	Vừ A Hạnh	2020	Vừ A Nénh	160.000	Thôn, bản ĐBK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, DKK.T-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
73	Vàng A Phú	2020	Vàng A Xanh	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
74	Lý Thị Nguyệt Phương	2021	Lý A Pó	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
75	Hà A Hà	2021	Hà A Thỉnh	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
76	Hà A Thủy	2021	Hà Gà Thải	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
77	Hà A Dễ	2021	Hà A Hồng	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
78	Vừ A Phú	2021	Vừ A Chữ	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
79	Vừ A Trường	2021	Vừ A Gừ	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
80	Vừ Thị La	2021	Vừ Thị Sur	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
81	Vừ Thị Xi	2021	Vừ A Say	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
82	Hà A Cường	2021	Hà A Sênh	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
83	Vừ Thị Hoa	2021	Vàng Thị Vừ	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
84	Hà Thị Thu Biên	2021	Hà A Tũa	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
85	Hà Thị Chữ	2021	Hà A Chổng	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	
86	Vừ Thị Lầu	2021	Vừ A Tháy	160.000	Thôn, bản ĐBKK	5	800	

NHÂN BIÊN

NHÀ SÁCH TRƯỞNG

(Kèm theo QĐ số 2)

ĐVT: Nghìn đồng

(Kèm theo QĐ số 912 /UBND ngày 20/02/2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
TRƯỜNG MN SỐ 1 XÃ NA TÔNG								
1	Vì Thị Thanh Nhân	2019	Tòng Thị Thuối	160.000	ĐBKK	5	800	
2	Lò Đình Trọng	2019	Vì Thị Khánh	160.000	ĐBKK	5	800	
3	Lò Tấn Phát	2019	Lò Văn Tuấn	160.000	ĐBKK	5	800	
4	Lò Tiến Linh	2019	Lò Thị Loan	160.000	ĐBKK	5	800	
5	Lò Thành Hưng	2019	Lò Văn Bích	160.000	ĐBKK	5	800	
6	Lò Minh Thông	2019	Quảng Thị Phiên	160.000	ĐBKK	5	800	
7	Lò Thanh Nhân	2019	Lò Thị Lan	160.000	ĐBKK	5	800	
8	Lò Thị Hoài An	2019	Vì Thị Dính	160.000	ĐBKK	5	800	
9	Lò Thị Phương Thảo	2019	Quảng Thị Thủy	160.000	ĐBKK	5	800	
10	Quảng Anh Dũng	2019	Lường Thị Hồng Vân	160.000	ĐBKK	5	800	
11	Lò Nguyễn Dự	2019	Lò văn Tâm	160.000	ĐBKK	5	800	
12	Lò Gia Huy	2019	Lường Thị Định	160.000	ĐBKK	5	800	
13	Lò Bảo Luân	2019	Vì Thị Hoa	160.000	ĐBKK	5	800	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
14	Lò Thị Thu Huyền	2019	Lò Thị Thuận	160.000	DBKK	5	800	
15	Lò Thị Ánh Dương	2019	Lò Văn Biên	160.000	DBKK	5	800	
16	Quàng Đức Anh	2019	Quàng Văn Trung	160.000	DBKK	5	800	
17	Đỗ Đức Minh Quân	2019	Đỗ Xuân Bang	160.000	DBKK	5	800	
18	Quàng Thu Cúc	2019	Tòng thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
19	Quàng Trung Kiên	2019	Tòng Thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
20	Lương Thị Như Quỳnh	2019	Quàng Thị Sơn	160.000	DBKK	5	800	
21	Lò Tú Uyên	2019	Lò văn Chính	160.000	DBKK	5	800	
22	Lò Ngọc Diệp	2019	Lò Văn Thiên	160.000	DBKK	5	800	
23	Vì Minh Anh	2019	Lò Nguyệt Nga	160.000	DBKK	5	800	
24	Lò Huy Hoàng	2019	Vì Thị Xiên	160.000	DBKK	5	800	
25	Lao Minh Quân	2019	Lương thị Oan	160.000	DBKK	5	800	
26	Giàng Thùy Linh	2019	Lò Thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
27	Lò Việt Bách	2019	Vì Thị Cương	160.000	DBKK	5	800	
28	Lò Anh Quân	2019	Lò Văn Hóa	160.000	DBKK	5	800	
29	Quàng Thị Minh Hà	2019	Vì Thị Xuân	160.000	DBKK	5	800	
30	Vì Trọng Nguyên	2019	Vì Thị Hoa	160.000	DBKK	5	800	
31	Dương Bảo Châu	2019	Vì Thị Dinh	160.000	DBKK	5	800	
32	Lương Quang Khải	2019	Lương Thị Hiền	160.000	DBKK	5	800	



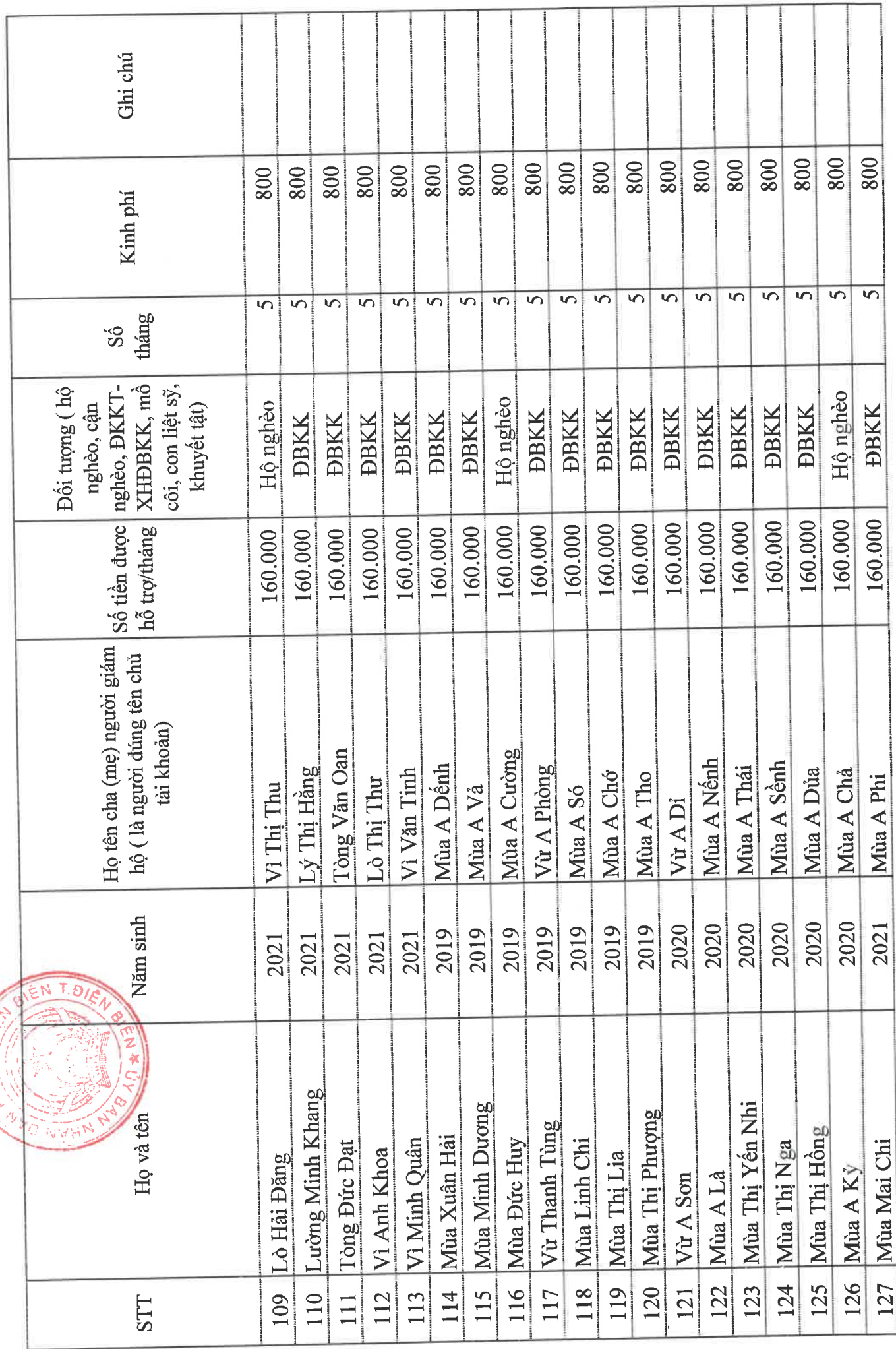
STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
33	Lường Vi Anh Minh	2019	Vì Thị Hoa	160.000	ĐBKK	5	800	
34	Lò Minh Tân	2019	Tòng Thị Mai	160.000	ĐBKK	5	800	
35	Tòng Khánh Nhân	2019	Quảng Thị Bình	160.000	ĐBKK	5	800	
36	Lò Gia Hưng	2019	Lường Thị Kim Anh	160.000	ĐBKK	5	800	
37	Quảng Minh Anh	2020	Quảng Văn Tính	160.000	ĐBKK	5	800	
38	Quảng Thị Thùy Linh	2020	Quảng Văn Thính	160.000	ĐBKK	5	800	
39	Quảng Diệu Thúy	2020	Lò Thị Thảo	160.000	ĐBKK	5	800	
40	Lường Thanh Phong	2020	Lường Thị Nga	160.000	ĐBKK	5	800	
41	Tòng Khánh Duy	2020	Quảng Thị Nguyên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
42	Vì Xuân Trường	2020	Quảng Thị Nắng	160.000	ĐBKK	5	800	
43	Lường Huyền Anh	2020	Lò Thị Mai Hương	160.000	ĐBKK	5	800	
44	Nguyễn T. Thùy Trang	2020	Lò Thị Phụng	160.000	ĐBKK	5	800	
45	Quảng Thiên Ân	2020	Quảng Văn Biên	160.000	ĐBKK	5	800	
46	Lò Văn Nguyên	2020	Lò Văn Quyết	160.000	ĐBKK	5	800	
47	Vì Quỳnh Lan	2020	Vì Văn Cương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
48	Vì Đức Khải	2020	Vì Văn Bính	160.000	Hộ nghèo	5	800	
49	Cà Thị Quỳnh hoa	2020	Cà Văn Điện	160.000	ĐBKK	5	800	
50	Vì Anh Kiệt	2020	Vì Văn Máng	160.000	ĐBKK	5	800	
51	Tòng Thị Kiều Hân	2020	Lò Thị Thái	160.000	Hộ nghèo	5	800	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
52	Tông Thị Kim Ngân	2020	Quảng Thị Yêu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
53	Vị Thị Thùy Duyên	2020	Lò Thị Danh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
54	Vị Trọng Việt	2020	Vị Thị Vui	160.000	DBKK	5	800	
55	Quảng T.Khánh Linh	2020	Quảng Văn Cương	160.000	DBKK	5	800	
56	Lường Thị Thanh Nhân	2020	Lò Thị Thi	160.000	DBKK	5	800	
57	Quảng Gia Bảo	2020	Lò Thị Thủy	160.000	DBKK	5	800	
58	Tông Khai An	2020	Vị Thị Thủy	160.000	DBKK	5	800	
59	Lò Thiên Phú	2019	Lò Văn Pon	160.000	DBKK	5	800	
60	Lò T Thanh Duyên	2019	Lò Văn Nhân	160.000	DBKK	5	800	
61	Lò Anh Đức	2019	Lò Văn Pon	160.000	DBKK	5	800	
62	Lò Bảo Nam	2019	Lò Thị Vân	160.000	DBKK	5	800	
63	Lường T Bảo Anh	2019	Lường Thị Học	160.000	DBKK	5	800	
64	Lò Phú Trọng	2019	Lò Văn Tâm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
65	Vừ A Dính	2019	Vừ Bả Xénh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
66	Lò Việt Hoàng	2020	Lò Văn Đôn	160.000	DBKK	5	800	
67	Lò Thanh Tùng	2020	Lò Thị Chiến	160.000	Hộ nghèo	5	800	
68	Lường Ngọc Hân	2020	Quảng Thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
69	Cút Tiến Đạt	2020	Cút Văn Kiềm	160.000	DBKK	5	800	
70	Mông Trung Kiên	2020	Mông Văn Phúc	160.000	DBKK	5	800	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
71	Cút Thị Phương Quý	2020	Cút Văn On	160.000	ĐBKK	5	800	
72	Quảng Tuấn Du	2020	Lò Thị Pom	160.000	ĐBKK	5	800	
73	Quảng Phương Thúy	2020	Lò Thị Biên	160.000	ĐBKK	5	800	
74	Lù Nguyễn Hữu Đạt	2020	Lù Thị Thu Hương	160.000	ĐBKK	5	800	
75	Tòng Đức Hùng	2020	Tòng Văn Toàn	160.000	ĐBKK	5	800	
76	Lò Thúy Kiều	2020	Lò Văn Thiện	160.000	ĐBKK	5	800	
77	Lường Mạnh Hùng	2020	Lò Thị Ngân	160.000	ĐBKK	5	800	
78	Lò Thị Thảo Nhi	2020	Lò Văn Ún	160.000	ĐBKK	5	800	
79	Quảng Anh Hào	2020	Lường Thị Biên	160.000	ĐBKK	5	800	
80	Tòng Tiến Long	2021	Trần Thị Thủy	160.000	ĐBKK	5	800	
81	Lò Thị Nguyệt Ánh	2021	Lò Văn Tuấn	160.000	ĐBKK	5	800	
82	Lò Thị Phương Thảo	2021	Lò Văn Nhân	160.000	ĐBKK	5	800	
83	Lò Bảo Nam	2021	Lò Văn Thanh	160.000	ĐBKK	5	800	
84	Cút Thị Na	2021	Cút Văn May	160.000	ĐBKK	5	800	
85	Lường Duy Khánh	2021	Lò Thị Khăm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
86	Lò Lương Bảo	2021	Lò Văn Long	160.000	ĐBKK	5	800	
87	Quảng Thị Lan Anh	2021	Mòng Thị Đình	160.000	Hộ nghèo	5	800	
88	Quảng Thị Bảo Ngọc	2021	Quảng Văn Khoan	160.000	Hộ nghèo	5	800	
89	Lò Vĩ Tiến Thịnh	2021	Vĩ Thị Trang	160.000	ĐBKK	5	800	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
90	Lò Anh Thư	2021	Lò Văn Thành	160.000	DBKK	5	800	
91	Lò Hữu Cường	2021	Lò Văn Tinh	160.000	DBKK	5	800	
92	Lò Thị Gia Hân	2021	Lò Văn Thủy	160.000	DBKK	5	800	
93	Lò Đông Hải	2021	Lò Văn Ánh	160.000	DBKK	5	800	
94	Lù Minh Phương	2021	Vì Thị Thế	160.000	DBKK	5	800	
95	Lù Minh Anh	2021	Vì Thị Thế	160.000	DBKK	5	800	
96	Tòng Thu Trang	2021	Tòng Văn Tiến	160.000	DBKK	5	800	
97	Lò Thị Thanh Trà	2021	Vì Thị Dĩnh	160.000	DBKK	5	800	
98	Giàng Minh Quang	2021	Lò Thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
99	Nguyễn Gia Bảo	2021	Quảng Thị Thư	160.000	DBKK	5	800	
100	Nguyễn Gia Huy	2021	Quảng Thị Thư	160.000	DBKK	5	800	
101	Lò Thị Hà Vy	2021	Lò Thị Nhung	160.000	DBKK	5	800	
102	Lò Mạnh Dũng	2021	Lò Thị Phương	160.000	DBKK	5	800	
103	Cà Tuấn Anh	2021	Cà Văn Kiên	160.000	DBKK	5	800	
104	Tòng Thanh Huyền	2021	Vì thị Oanh	160.000	DBKK	5	800	
105	Lò Gia Huy	2021	Lò Thị Thuận	160.000	DBKK	5	800	
106	Lò Đức Mạnh	2021	Lò Văn Thương	160.000	DBKK	5	800	
107	Vì Mạnh Quân	2021	Lò Thị Thi	160.000	DBKK	5	800	
108	Lương Mạnh Quân	2021	Vì Thị Phúc	160.000	DBKK	5	800	



STT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên cha (mẹ) người giám hộ (là người đứng tên chủ tài khoản)	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
128	Mùa Thị Cúc	2021	Mùa A Chú	160.000	ĐBKK	5	800	
129	Mùa Thị Mỹ Duyên	2021	Mùa A Chả	160.000	Hộ nghèo	5	800	
130	Mùa Thanh Hải	2021	Mùa A Sô	160.000	ĐBKK	5	800	
131	Mùa Ngọc Hải	2021	Mùa A Hồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
132	Mùa Thị Hoa	2021	Mùa A Thanh	160.000	ĐBKK	5	800	
133	Vừ Xuân Nam	2021	Vừ A Di	160.000	ĐBKK	5	800	
134	Mùa Thị Nguyệt Nga	2021	Mùa A Tho	160.000	ĐBKK	5	800	
135	Mùa Thị Phương Nhi	2021	Mùa A Vư	160.000	ĐBKK	5	800	
136	Mùa A Quân	2021	Mùa A Và	160.000	ĐBKK	5	800	
137	Vừ Duy Thắng	2021	Vừ A Đức	160.000	ĐBKK	5	800	
138	Vừ Hồng Thắng	2021	Vừ A Thành	160.000	ĐBKK	5	800	
139	Vừ Thị Chu	2021	Vừ A Mú	160.000	Hộ nghèo	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ AN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213/QĐ-UBND, ngày 20... tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ NÀ TÔNG								
1	Lầu Anh Hải	2021	Lầu A Và	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
2	Vừ Thị Nhân	2021	Thào Thị Chài	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
3	Sùng A Thái	2021	Sùng A Sáu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
4	Hạng Thiên Quý	2021	Hạng A Thái	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
5	Sùng Trường Ken	2021	Sùng A Lầu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
6	Sênh Thiện Chí	2021	Sênh A Vả	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
7	Sùng A Chi	2021	Sùng A Dĩa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
8	Vừ A Trường	2021	Vừ A Đà	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
9	Sùng Minh Khang	2021	Sùng A Khá	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
10	Giàng Lao Phi	2021	Giàng A Ly	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
11	Sùng A Èn	2021	Mùa Thị Lia	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
12	Sênh Thị Ngọc Anh	2021	Sênh A Mùa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
13	Mùa Thị Chừ	2021	Mùa A Tông	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
14	Vừ Thị Mỹ	2021	Vừ Thị Dợ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
15	Giàng Thị Kim Phượng	2021	Giàng A Chay	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XH DBKK, mô côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
16	Sênh A Quý	2021	Sênh A Tháng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
17	Vừ A Xay	2021	Vừ A Phinh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
18	Sùng Tiến Trình	2021	Lâu Thị Bàu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
19	Sùng Thị Mai Huyền	2021	Sùng A Sênh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
20	Vàng Gia Bảo	2021	Vàng Thị Chi	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
21	Vừ A Chua	2021	Vừ Thị Mái	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
22	Sùng Thị Mai	2021	Sùng A So	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
23	Vàng A Mạnh	2021	Vàng A Say	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
24	Sênh A Thái	2021	Sênh A Sung	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
25	Sùng A Cộng	2020	Sùng A Mùa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
26	Giàng Đoàn Dân	2020	Giàng A lừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
27	Sênh Mu Dinh	2020	Sênh A Sá	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
28	Giàng Thị Ni	2020	Giàng A Hừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
29	Mùa Thị Vừ	2020	Mùa A Chừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
30	Giàng Anh Đào	2020	Giàng A Sá	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
31	Sùng A Cương	2020	Sùng A Lừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
32	Vừ Tiểu Bảo	2020	Vừ A Thánh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
33	Sùng Minh Tuấn	2020	Sùng A Mùa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
34	Mùa Thị Dầu	2020	Mùa A Tòng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
35	Giàng Minh Khang	2020	Giàng A Phứ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
36	Sùng Ngọc Nhi	2020	Sùng A Chạ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mô côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
37	Sùng A Thành	2020	Sùng A Co.	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
38	Giàng Quang Đại	2020	Giàng A Ly	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
39	Thào Thị Nu	2020	Thào A Tòng	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
40	Mùa A Pó	2020	Mùa A Đông	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
41	Sùng Hùng Anh	2019	Sùng A Sênh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
42	Sênh .T. Ngọc Bích	2019	Sênh A Vả	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
43	Hạ Thị Dung	2019	Sùng Thị Co	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
44	Giàng A Hạ	2019	Mùa Thị Dưa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
45	Lầu Thị Hoa	2019	Lầu A Cợ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
46	Sùng Thị Ganh	2019	Sùng A Tú	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
47	Vừ Thị Lía	2019	Lầu Thị Khua	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
48	Vừ A Tùng	2019	Vừ A Phình	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
49	Vừ Thị Hồng Năm	2019	Vừ A Tinh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
50	Giàng Thị Quỳnh Ninh	2019	Chá Thị Xía	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
51	Vừ A Sênh	2019	Và Thị Dợ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
52	Lầu Thị Chừ	2019	Lầu A Chai	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
53	Mùa Duy Đức	2019	Mùa A Sur	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
54	Vừ Thị Ky	2019	Vừ A Dénh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
55	Sùng T. Nguyệt Ánh	2019	Sùng A Lầu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
56	Sùng Mạnh Hòa	2019	Sùng A Chừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
57	Vừ Anh Duy	2019	Vừ A Sớ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XH DBKK, mỗ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
58	Sùng A Hải	2019	Sùng A Po	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
59	Vừ A Hư	2019	Vừ A Nu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
60	Hạ A Hoàng	2019	Hạ A Thái	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
61	Mùa Thi Ly	2019	Mùa A Tông	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
62	Sênh Lò Mai	2019	Sênh A Tháng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
63	Vừ Thị Lanh Nhi	2019	Sùng Thị Pà	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
64	Vừ Siêu Phử	2019	Vừ A Mang	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
65	Sùng Thị Xinh	2019	Lầu Thị Máy	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
66	Mùa Thị Dân	2019	Vàng Thị Dénh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
67	Lầu Thị Liên	2019	Lầu A Chai	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
68	Vừ A Bia	2019	Vừ A Dế	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
69	Giàng Kỵ Phành	2019	Giàng Thị Cừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
70	Lầu Thị Dung	2019	Vàng Thị Dợ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
71	Vừ Thị Pà Cú	2019	Vừ A Tũa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
72	Sùng A Sênh	2019	Sùng A So	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
73	Vừ Thị Nữ	2019	Vừ A Tông	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
74	Sênh Thị Hồng Nhật	2019	Sênh A Sầu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
75	Vàng A Tông	2019	Vàng A Chia	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
76	Vàng A Lau	2019	Vàng A Chia	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
77	Vàng A Sinh	2019	Vàng A Già	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
78	Giàng A Dương	2019	Giàng A Chanh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mô côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
79	Vừ Mạnh Du	2019	Vừ A Nụ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
80	Sênh Thị Chi	2019	Sênh A Va	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
81	Sênh A Sơn	2019	Sênh A Cẩu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
82	Sênh Thị Mái	2019	Sênh A Lầu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
83	Sênh A Bảo	2020	Sênh A Panh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
84	Vàng Thị Tâm	2020	Vàng A Mua	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
85	Vàng A Sơn	2020	Vàng A Chua	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
86	Sênh Duy Công	2020	Sênh A Điện	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
87	Vừ Thị Súa	2020	Vừ A Tổng	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
88	Vừ Thị Chia	2020	Vừ A Vả	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
89	Sùng A Nhia	2020	Sùng A Chu	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
90	Vàng Thị Lan	2021	Vàng A Di	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
91	Vừ A Phênh	2021	Vừ A Chổng	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
92	Sênh Thị Ong	2021	Sênh A Va	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
93	Vàng A Chung	2021	Vàng A Vừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
94	Sênh Thị Hứa	2021	Sênh A Tủa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
95	Vừ Thị Cú	2021	Vừ A Phong	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
96	Vàng A Thành	2021	Vàng A Già	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
97	Vừ Huy Hoàng	2021	Vừ A Ti	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
98	Sênh A Bái	2021	Sênh A Tổng	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
99	Vừ Hải Dương	2021	Vừ A Chua	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XH DBKK, mỗ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
100	Sênh A Tân	2021	Sênh A Panh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
101	Vàng Thị Dế	2021	Vàng A Chua	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
102	Vàng A Tú	2021	Vàng A Mưa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
103	Sùng Linh Vừ	2021	Sùng A Cửa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
104	Lầu Dềnh Hứa	2019	Lầu A Dờ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
105	Lầu Thị Sùng	2019	Lầu A Gấu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
106	Lầu Chá Công	2019	Lầu A Chua	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
107	Lầu Thị Mai	2019	Lầu A Dế	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
108	Lầu Minh Đức	2019	Lầu A Xa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
109	Sùng A Hãnh	2019	Sùng A Cú	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
110	Lầu Súa Nủ	2019	Lầu A So	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
111	Lầu A Tuấn	2019	Lầu A Tinh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
112	Sùng A Dơ	2019	Sùng A Cho	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
113	Lầu Thị Chay	2019	Lầu A Nếpn	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
114	Hạng Thị Chia	2019	Hạng A Súa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
115	Giăng Sa Mông	2019	Giăng A Tẻnh	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
116	Sùng Ngọc Kim	2020	Lầu A Gấu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
117	Lầu A Hừ	2020	Lầu A Cửa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
118	Lầu Thị Nủ	2020	Lầu A Sùng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
119	Mùa Thị Ly	2020	Mùa A Dơ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
120	Lầu A Hồng	2020	Lầu A Khái	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, còn liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
121	Lầu Ngọc Long	2020	Lầu A Khá	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
122	Sùng Thị Dung	2020	Sùng A Cú	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
123	Lầu Thị Sía	2020	Lầu A Thỏ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
124	Lầu Thị Dợ	2020	Lầu A Nénh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
125	Lầu Bích Hương	2021	Lầu A Nénh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
126	Lầu A Sơn	2021	Lầu A Khái	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
127	Lầu Mạnh Cường	2021	Lầu A Hạ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
128	Lầu Công Mạnh	2021	Lầu A Dế	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
129	Lầu Thị Sênh	2021	Lầu A Cửa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
130	Lầu A Dềnh	2021	Lầu A Thỏ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
131	Sùng Pà Cú	2021	Sùng A Phía	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
132	Lầu Thị Chi Na	2021	Lầu Và So	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
133	Lầu Thị Hoa	2021	Lầu A Chua	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
134	Thào A Sênh	2019	Thào A Nénh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
135	Thào A Chua	2019	Thào A Vừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
136	Thò Thị Dung	2019	Thò A Dưa	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
137	Thào A Di	2020	Thào A Lồng	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
138	Thào Hoàng Lâm	2020	Thào A Minh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
139	Giàng A Cường	2020	Thào Thị Ca	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
140	Thào A Lầu	2020	Thào A Sênh	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	
141	Thào Thị Ghi	2020	Thào A Tông	160.000	Xã có ĐKKT- XH ĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XH DBKK, mò côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
142	Thảo Xuân Xe	2020	Mùa Thị Lu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
143	Thảo Mạnh Hùng	2020	Thảo A Giảng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
144	Thảo Thị Xuân	2021	Thảo A Châu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
145	Thảo Vang Nénh	2021	Thảo A Kỳ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
146	Giảng Thị Văn	2021	Giảng A Chu	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
147	Thảo A Thứ	2021	Thảo A Lòng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
148	Thảo Thị Lía	2021	Thảo A Vừ	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
149	Thảo A Cường	2021	Thảo A Tàng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
150	Giảng Thị Hoa	2021	Giảng A Thắng	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
151	Giảng A Cho	2021	Giảng A Tủa	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	
152	Sùng A Và	2021	Sùng A Dia	160.000	Xã có ĐKKT- XH DBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẮN TRỮA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP
NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213 /QĐ -UBND, ngày 21.9.2024 tháng 9 năm 2024 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
	TRƯỜNG MẦM NON XÁ PHU LƯƠNG							
1	Lò Tuấn Anh	2019	Lương Thị Nhanh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
2	Lò Trung Kiên	2019	Lò Văn Tường	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Lò Thị Mỹ Diệp	2019	Lò Văn Thường	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Lò Xuân Bách	2019	Lò Văn Thêm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Tòng Bảo Lâm	2019	Lò Thị Nga	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Nguyễn Phúc Lâm	2019	Lò Thị Hằng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Trần Ngọc Bảo Hân	2019	Trần Văn Hiến	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Lò Trường An	2019	Cà Thị Phương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Lường Bảo Thiên	2019	Lò Thị Hào	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Lò Thị Thảo Như	2019	Lò Thị Thắm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Lò Nhật Quân	2019	Lò Thị Đồng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Tòng Gia Nhi	2019	Tòng Văn Phương	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Lò Mạnh Dũng	2020	Tòng Thị Chơí	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Lò An Nhiên	2020	Lò Văn Khiêm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Lò Thị Quỳnh Duyên	2020	Lò Văn Tâm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Lò Quốc Bảo	2020	Lò Văn Thọ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
17	Lò Thiên Nhã	2020	Lò Văn Thiên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
18	Lương Trọng Hưng	2020	Lương Văn Cẩn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
19	Lò Vinh Quyền	2020	Lò Văn Đông	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
20	Lò Hiếu Lam	2020	Lò Văn Hồng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
21	Lò Thị Hoài An	2020	Tạ Văn Chính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
22	Lò Phúc Vương	2020	Cà Thị Ngân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
23	Đinh Thị Lan Anh	2020	Đinh Văn Tuấn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
24	Lò Đại Dương	2020	Lò Văn Bua	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
25	Lò Đức Thiện	2020	Lò Văn Thành	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
26	Lương Gia Phúc	2020	Vì Thị Hương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
27	Lò Ngọc Doanh	2020	Lò Văn Quyết	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
28	Lương Thu Hằng	2020	Lương Văn Phôm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
29	Vì Bảo Duy	2020	Sùng Thị Chênh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
30	Lương Thị An Nhiên	2020	Lương Thị Kiêm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
31	Lò Cao Nguyên	2020	Lò Văn Cường	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
32	Lò Việt Hoàng	2020	Lò Thị Pén	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
33	Lương Nhã Phương	2020	Lò Thị May	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
34	Lò Diệp Lan	2020	Lương Thị Hoan	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
35	Lò Trường Giang	2020	Lò Văn Sơn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
36	Cao Diệp Anh	2020	Lò Thị Thu	160.000	Hộ nghèo	5	800	
37	Đỗ Minh Khoa	2020	Đỗ Văn Thắng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
38	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	2020	Nguyễn Thị Hải	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
39	Lương Thị Thanh Nhân	2020	Quảng Thị Sen	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
40	Lường Văn Sơn	2021	Lường Thị Liên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
41	Lò An Na	2021	Lường Thị Niềm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
42	Lò Đức Trịnh	2021	Lò Văn Phong	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
43	Lò Thu Hà	2021	Lò Văn Hải	160.000	Hộ nghèo	5	800	
44	Nông Thị Hà Linh	2021	Nông Văn Mới	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
45	Lò Tuấn Dũng	2021	Lò Thị Sơn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
46	Lường Thị Khánh Huyền	2021	Lường Văn Thủy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
47	Lò Bích Anh	2021	Lò Văn Xuân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
48	Trần Thị Mỹ Hạnh	2021	Trần Văn Hiến	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
49	Lã Tiến Dũng	2021	Lò Thị Tiên	160.000	Hộ nghèo	5	800	
50	Lò Đức Việt	2021	Lò Văn Tới	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
51	Quảng Phúc Thịnh	2021	Quảng Văn Ba	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
52	Lường Bảo Lâm	2021	Lường Văn Thi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
53	Lò Thị Ánh Duyên	2021	Lò Thị Toàn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
54	Lò Thị An Khuê	2021	Lò Văn Hân	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
55	Nguyễn Huy Hùng	2021	Nguyễn Huy Toàn	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
56	Lò Trọng Hiếu	2021	Lò Thị Bính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
57	Lò Thảo Nhi	2021	Lò Văn Tự	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
58	Lò Bảo Nam	2019	Lò Thị Minh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
59	Lường Phú Anh	2019	Lường Văn Biên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
60	Lò Văn Cảnh	2019	Lò Thị Hợp	160.000	Hộ nghèo	5	800	
61	Lò Văn Quỳnh	2019	Lò Thị Ván	160.000	Hộ nghèo	5	800	
62	Lò Thị Phương Thảo	2019	Lò Thị Minh	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
63	Lương Thị Thu Hằng	2020	Lương Thị Chuyên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
64	Lương Thị Cha Vy	2020	Lương Văn Quỳnh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
65	Lương Thị Kim Phụng	2021	Lương Văn Nhi	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
66	Lò Thị Thủy Kiều	2021	Lương Thị Lun	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
67	Lò Thị Yến Nhi	2021	Lò Văn Nhọt	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
68	Lò Văn Hiếu	2021	Lò Thị Vân	160.000	Hộ nghèo	5	800	
69	Lò T Triệu Mẫn	2021	Lò Văn Dung	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
70	Quảng Thị Yên	2021	Quảng Thị Uyên	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
71	Lò Thị Ngọc Ánh	2021	Lò Thị Hợp	160.000	Hộ nghèo	5	800	
72	Lương Thị Vân Anh	2019	Lương Văn Phin	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
73	Lò Huy Bách	2019	Lò Văn Thư	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
74	Lò Thiện Nhân	2019	Lò Thị Nguyễn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
75	Lò Anh Vũ	2019	Cà Thị Thắm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
76	Lò Bảo Nam	2019	Lương Thị Diễm	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
77	Tòng Thị Thùy Linh	2020	Tòng văn Nhân	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
78	Lương Vinh Quang	2020	Lương Văn Phin	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
79	Quảng Thị Thu Huyền	2020	Lò Thị Thanh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
80	Lò Văn Tuấn	2020	Lò Thị Vạt	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
81	Lò Hải Đăng	2021	Lò Văn Cảnh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
82	Quảng Lò Hồng Vân	2021	Lò Thị Thuận	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
83	Lò Thảo Nguyên	2021	Lò Văn Doan	160.000	Hộ nghèo	5	800	
84	Lò Bảo Ân	2021	Khoảng Thị Đào	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
85	Lò Đức Huy	2021	Lò Thị Phiên	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
86	Quảng Thị Ánh Dương	2021	Lò Thị Thơi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
87	Lò Thị Thuý Linh	2019	Nạ Thị Thơ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
88	Lường T Lan Phương	2020	Lường Thị Viên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
89	Lò Xuân Bách	2020	Nạ Thị Lún	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
90	Lường Thành Cao	2021	Quảng Thị Hoa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
91	Quảng Đức Tài	2019	Quảng Văn Ngọc	160.000	Hộ nghèo	5	800	
92	Lò Anh Phú	2019	Lò Văn Quê	160.000	Hộ nghèo	5	800	
93	Lường Kim Phương	2019	Lò Văn Kiêm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
94	Lò Thị Yên Lành	2019	Lò Văn Long	160.000	Hộ nghèo	5	800	
95	Lò Thị Mai Phương	2019	Lò Văn Lả	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
96	Lò Gia Huy	2020	Lò Văn Lợi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
97	Lò Thị Ngân Xuyên	2020	Lường Thị Liên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
98	Lò Hồng Min	2020	Lò Văn Chung	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
99	Lò Anh Đại	2020	Lò Thị Cảnh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
100	Lò Minh Công	2020	Lò Văn Kiêm	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
101	Lò Quỳnh Trang	2020	Lò Văn Quê	160.000	Hộ nghèo	5	800	
102	Quảng Thị Ánh Nhi	2020	Quảng Văn Ngọc	160.000	Hộ nghèo	5	800	
103	Lò Thị Yên Giang	2021	Lò Văn Long	160.000	Hộ nghèo	5	800	
104	Lò Anh Hùng	2021	Lò Văn Lợi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
105	Lò Thu Như	2021	Lò Thị Cảnh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
106	Trương T Ngọc Ánh	2021	Lò Thị Tiên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
107	Lường Thiên Lưu	2019	Lường Thị Nghiêm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
108	Lường Thị Minh Ân	2020	Lường Văn Thuận	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
109	Lò Hạo Nam	2020	Mong Thị Hoa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
110	Lò Đức Thiện	2020	Lò Văn Nghĩa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
111	Mong Nhất Đông	2021	Mong Văn Hà	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
112	Lương Anh Tú	2021	Lương Văn Tuyết	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
113	Mong Đức Triệu	2021	Mong Văn Hà	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
114	Lương Văn Lịch	2021	Lương Văn Tuấn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
115	Thào A Khư	2019	Hờ Thị Súa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
116	Thào Thị Vư	2019	Thào A Chừ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
117	Thào Xuân Hồng	2019	Thào A Say	160.000	Hộ nghèo	5	800	
118	Vư Thị Kía	2019	Vư A Pó	160.000	Hộ nghèo	5	800	
119	Thào Thị So	2020	Lầu Thị Mỹ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
120	Thào Thị Mai Hoa	2020	Thào A Cà Súa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
121	Thào A Chi Nủ	2020	Thào A Vư Pó	160.000	Hộ nghèo	5	800	
122	Thào A Chénh	2020	Thào A Ly	160.000	Hộ nghèo	5	800	
123	Thào A Nủ	2020	Lầu Thị Mỹ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
124	Vư A Nhia	2021	Vư A Pó	160.000	Hộ nghèo	5	800	
125	Thào A Tinh	2021	Thào A Vá	160.000	Hộ nghèo	5	800	
126	Thào A Chín	2021	Hờ Thị Súa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
127	Thào Thị Chia Si	2021	Thào A Di	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
128	Thào Thị Nhia	2021	Thào A Chừ	160.000	Hộ nghèo	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ẨM TRÚA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020 THÁNG 1 - THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số 223. /QĐ -UBND, ngày 22.9.2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
	TRƯỜNG MẦM NON XÁ NÀ Ư						116.800	
1	Vừ Thuý Ngân	2021	Vừ A Nénh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
2	Vừ Chấn phong	2021	Vừ A Tủa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
3	Và A Thu	2021	Và A Dơ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
4	Sinh Thị Hương	2021	Sinh A Thánh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
5	Và Bình Minh	2021	Và Sĩ Di	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
6	Ly Duy Hải	2021	Ly A Hu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
7	Vừ Thiên Vũ	2021	Sinh Thị Dợ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
8	Ly Thị May Trang	2021	Ly A Thái	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
9	Và Thị Thu Hà	2021	Giảng Thị Giấy	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
10	Và A Cống	2021	Và A Hạnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
11	Vừ Thị Ngọc Nhung	2021	Vừ A Tinh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
12	Và Tuấn Kiệt	2021	Và A Sóng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
13	Và Thị Lúa	2021	Và A Biên	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
14	Vừ Duy Hải	2021	Vừ A Hừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
15	Và Thọ Đô	2021	Và A Mạnh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
16	Và Bình An	2021	Và A Lênh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
17	Sinh Thị Sinh	2021	Ly Thị Mua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
18	Sinh Văn Hoàng	2021	Sinh A Sáu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
19	Lê Thị Linh Chi	2021	Lê Tiến Khoa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
20	Và Thị Mai	2021	Và A Tú	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
21	Sùng Thị Tinh	2021	Sùng A Cừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
22	Sinh Thị Sua	2021	Sinh A Hu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
23	Sùng A Phúc	2021	Và Thị Ánh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
24	Vừ Bảo Trường	2021	Sinh Thị Mo	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
25	Sùng Anh Tùng	2021	Sùng A Mông	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
26	Sinh A Chi	2021	Sinh Khua Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
27	Và A Dơ	2021	Và Sĩ Di	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
28	Và Ka Ly	2021	Hạ Thị Già	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
29	Và A Hồng	2021	Và Chá Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
30	Ly May Víp	2021	Sinh Thị Dia	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
31	Mũa A Cường	2021	Mũa A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
32	Và Anh Đức	2019	Vừ Thị Cả Lía	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
33	Và Anh Đức	2019	Và A Thái	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
34	Vừ Ly Na	2019	Vừ A Nénh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
35	Ly Diệu Linh	2019	Ly A Sáu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
36	Lầu Thị Ly	2019	Ly Thị Pa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
37	Ly Ngọc Anh	2019	Ly A Gia	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
38	Vừ Thị Xinh	2019	Vừ A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
39	Và Thị Ngọc Dung	2019	Và A Thắng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
40	Ly Thị Thu Hà	2019	Ly A Hu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
41	Và A Vị	2019	Và A Khua	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
42	Sùng A Chua	2019	Sùng Thị Cọ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
43	Và Minh Phong	2020	Mũa Thị Dính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
44	Vừ Siêu Việt	2020	Sinh Thị Dọ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
45	Và Thị Lan Ngọc	2020	Và A Dính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
46	Sinh Thị Mai Phương	2020	Sinh A Thánh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
47	Ly A Dương	2020	Ly A Chu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
48	Và Anh Dũng	2020	Và A Kai	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
49	Vừ Bằng Tuyết	2020	Vừ A Dơ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
50	Vừ Thị Pa Nhia	2020	Vừ A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
51	Và A Đông	2020	Và Thị Dọ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
52	Và Tiên Dũng	2020	Và A Số	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
53	Sinh A Cung	2020	Sinh A Lừ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
54	Vừ Huyền Anh	2020	Vừ A Sẻnh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
55	Ly Thị Lan	2020	Ly A Thái	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
56	Ly Thị Tông	2020	Ly A So	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
57	Sùng Thị Nồng	2019	Sùng A Minh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
58	Và Chí Cao	2019	Và A Tú	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
59	Sùng A Chi	2019	Sùng A Sáu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
60	Và Duyên Mạnh	2019	Và A Tú	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
61	Sùng Thị Nga	2019	Sùng A Ta	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
62	Sinh A Tuấn	2019	Sinh A Hu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
63	Và Hồng Duy	2019	Và A Sinh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
64	Sùng Tiểu Vy	2019	Sùng Thị Báu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
65	Ly A Chung	2019	Giảng Thị Hà	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
66	Sùng Duy Khang	2019	Sùng A Hư	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
67	Sinh T Xuân Ka	2019	Sinh A Dính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
68	Và Thị Sơn Ni	2019	Và A Pháp	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
69	Sùng Ngọc Bích	2019	Sùng A Lòg	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
70	Sinh Nà Sáu	2019	Sinh Khua Pó	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
71	Sùng A Minh	2019	Sùng A Dơ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
72	Sùng Thị Xăm	2020	Sùng A Phênh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
73	Sùng Bích Thủy	2020	Sùng Nữ Trinh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
74	Sinh Duy Thiên	2020	Sinh Chữ Số	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
75	Và Thị Nước	2020	Và A Sinh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
76	Sùng Minh Đào	2020	Sùng A Súa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
77	Và Tùng Anh	2020	Và A Xi	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
78	Sùng Mai Hương	2020	Sùng A Nhìa	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
79	Và Chung Ngọc	2020	Và A Số	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
80	Giảng Anh Dũng	2020	Sùng A Cừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
81	Vừ Thị Ká Sía	2019	Vừ A Nénh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
82	Vừ Yến Nhi	2019	Vừ Thị Pa Tà	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
83	Và Thị Khánh Ly	2019	Ly Thị Dính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
84	Quảng Thiên Báo	2019	Quảng Văn Thực	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
85	Và Hưng Trí	2019	Và A Du	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
86	Vừ Thị Trang	2020	Vừ A Xây	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
87	Và Thị Tuyết	2020	Và A Chữ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
88	Và Thị Ánh Hồng	2020	Và A Dế	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
89	Và Mai Phương	2020	Và A Lừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đôi tương (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
90	Sùng Nguyệt Ánh	2021	Sùng A Tổng	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
91	Và Thị NINA	2021	Và A Nu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
92	Và Hải Đăng	2021	Sùng Thị Mãn	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
93	Và Thị Bảo Anh	2019	Sùng Thị Xông	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
94	Vừ A Tiến	2019	Vừ A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
95	Vừ Thị Thủy Linh	2019	Vừ A Nénh	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
96	Và Ngọc Sơn	2019	Và A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
97	Vàng Thị Yến Nhi	2020	Vàng A Dia	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
98	Quàng Hồng Diễm	2020	Quàng Văn Thực	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
99	Và A Thương	2020	Và Thị Pa Dính	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
100	Ly Thị Yến Chi	2020	Ly A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
101	Vừ Thị Ngân Hà	2020	Vừ A Lá	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
102	Ly Thị Dính Lại	2020	Ly A Sư	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
103	Vừ Gia Bảo	2021	Vừ A Vựa	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
104	Vàng Thị Viên	2021	Vàng A Thái	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
105	Ly A Huy	2021	Ly A Lâu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
106	Vừ Thị Thiên	2021	Vừ A Cau	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
107	Vừ A Tân	2021	Vừ A Lá	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
108	Giàng A Bi	2021	Giàng A Cừ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
109	Vừ A Cảnh	2021	Vừ A Phương	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
110	Vừ Thị Ha Na	2021	Vừ A Công	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
111	Vàng Phúc Long	2021	Vàng A Thái	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
112	Vừ A Thịnh	2019	Sinh Thị Dung	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
113	Vàng Thị Yến Nhi	2019	Vàng A Sá	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
114	VÀ Thị Yến Nhi	2019	Sùng Thị Bi	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
115	Chá A Bảo	2019	Chá A Chua	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
116	Và Tâm Thủy	2019	Và A Chua	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
117	Vừ A Cảnh	2020	Chá Thị Mỹ	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
118	Ly Nhi Mộng	2020	Ly A Pó	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
119	Vàng Thị Linh	2020	Vàng A Sá	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
120	Vừ Hoàng Phúc	2020	Vừ A Sầu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	
121	Giàng Thị Như	2020	Giàng Chi Nu	160.000	ĐKKT-XHDBKK	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
122	Vừ A Đông	2020	Vừ A Dơ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
123	Giảng Thị Linh Nguyệt	2020	Và a Khứ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
124	Chá A Phương	2021	Chá A Va	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
125	Chá A Khánh	2021	Chá A Chua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
126	Và Thị Chị Giang	2021	Và A Chua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
127	Giảng Duy Khánh	2021	Và A Khứ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
128	Thào Thị Hoa	2021	Vàng Thị Ghênh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
129	Vàng Khai Duy	2019	Vàng A Long	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
130	Và Thị Nhi	2019	Và A Sùng	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
131	Giảng Thị Cú	2019	Giảng A Nó	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
132	Vàng Anh Sơn	2019	Vàng A Chia	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
133	Vàng Thị Ánh	2019	Vàng A Sênh	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
134	Và Thị Diên	2020	Và A Cừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
135	Lầu A Nénh	2020	Lầu A Dính	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
136	Lầu A Cương	2020	Lầu A Công	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
137	Và A Chính	2020	Và A Nu	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
138	Vàng Cúc Phương	2020	Vàng A Nù	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
139	Vàng Thị Đế	2020	Vàng A Chia	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
140	Và Thị Dạy	2021	Và A Pó	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
141	Và Thị May	2021	Và A Cừ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
142	Vàng Thị Ngọc	2021	Vàng A Dụ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
143	Giảng Thị Nhia	2021	Giảng A Nó	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
144	Vàng Minh Duy	2021	Vàng A Mua	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
145	Vàng Minh Tiến	2021	Vàng A Nù	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	
146	Lầu A Chớ	2021	Lầu A Sớ	160.000	ĐKKT-XHĐBKK	5	800	

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH 105/2020/NĐ-CP NGÀY 8/9/2020 THÁNG 01- THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo QĐ số: 213. /QĐ -UBND, ngày 22. tháng 2 năm 2025 của UBND Huyện Điện Biên)

Đvt: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
TRƯỜNG MÀM NON XÃ MUỜNG LỎI								
1	Thào A Tà	2019	Thào A Vừ	160.000	Xã KV III	5	800	
2	Thào Thị Lan Y	2019	Vàng Thị Máy	160.000	Xã KV III	5	800	
3	Thào A Lầu	2019	Sùng Thị Mi	160.000	Xã KV III	5	800	
4	Thào A Dĩa	2019	Thào A Chính	160.000	Xã KV III	5	800	
5	Giàng A Nam	2019	Giàng A Thanh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
6	Thào A Ly	2019	Giàng Thị Di	160.000	Xã KV III	5	800	
7	Thào Thủy Nga	2019	Thào A Đà	160.000	Xã KV III	5	800	
8	Thào Thị Lan Nhi	2019	Thào A Sau	160.000	Xã KV III	5	800	
9	Vừ Phúc Long	2019	Vừ A Mênh	160.000	Xã KV III	5	800	
10	Thào Thị Di	2019	Thào A Sênh	160.000	Xã KV III	5	800	
11	Thào Thị Ngọc Ánh	2019	Thào A Súa	160.000	Xã KV III	5	800	
12	Thào Minh Hải	2019	Lầu Thị Lĩa	160.000	Xã KV III	5	800	
13	Thào Dênh Hóa	2019	Thào A Lừ	160.000	Xã KV III	5	800	
14	Giàng Huy Mạnh	2019	Mùa Thị Dy	160.000	Xã KV III	5	800	
15	Thào Thị Si	2019	Thào A Sĩa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
16	Thào Lĩa Sùng	2020	Thào A Tùng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
17	Thào A Quý	2020	Vàng Thị Nụ	160.000	Xã KV III	5	800	
18	Thào Linh Chi	2020	Vàng Thị Sĩa	160.000	Hộ nghèo	5	800	
19	Giàng Văn Minh	2020	Sùng Thị Nénh	160.000	Xã KV III	5	800	
20	Vừ A Khánh	2020	Vừ A Hù	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
21	Thào Chí Thanh	2020	Thào A Chá	160.000	Xã KV III	5	800	
22	Thào Thị Ánh Xuân	2021	Thào Hồng May	160.000	Xã KV III	5	800	
23	Thào Thị Tuyết Mai	2021	Thào A Chỉnh	160.000	Xã KV III	5	800	
24	Thào Quang Khai	2021	Thào A Đà	160.000	Xã KV III	5	800	
25	Thào Thị Ngọc Duyên	2021	Thào A Sau	160.000	Xã KV III	5	800	
26	Thào A Vinh	2021	Giàng Thị Giồng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
27	Giàng Sênh Nở	2021	Giàng A Thanh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
28	Thào Thị Ý Nhi	2021	Thào A Súa	160.000	Xã KV III	5	800	
29	Thào A Lại	2021	Lầu Thị Lía	160.000	Xã KV III	5	800	
30	Thào Thị Nguyệt Nắng	2021	Hờ Thị Hành	160.000	Xã KV III	5	800	
31	Vừ Chí Minh	2021	Vừ A Mênh	160.000	Xã KV III	5	800	
32	Thào Thị Sâu	2021	Thào A Hai	160.000	Xã KV III	5	800	
33	Thào A Tân	2021	Giàng Thị Di	160.000	Xã KV III	5	800	
34	Thào Xuân Thành	2021	Thào A Nú	160.000	Xã KV III	5	800	
35	Thào A Chí	2021	Vàng Thị Máy	160.000	Xã KV III	5	800	
36	Thào Quý Phước	2021	Vàng Thị Pà	160.000	Xã KV III	5	800	
37	Lò Thị Thiên Mỹ	2019	Lò Văn Phôm	160.000	Xã KV III	5	800	
38	Ngô Quỳnh Anh	2019	Vì Thị Diên	160.000	Xã KV III	5	800	
39	Lò Thiên Lộc	2019	Lò Văn Quyết	160.000	Xã KV III	5	800	
40	Lò Thị Kiều Loan	2019	Vì Thị Hồng	160.000	Xã KV III	5	800	
41	Vì Thị Phương Uyên	2019	Vì Văn Hoà	160.000	Xã KV III	5	800	
42	Lò Tiến Minh	2019	Lò Văn Long	160.000	Xã KV III	5	800	
43	Lò Anh Quân	2019	Lò Văn Pha	160.000	Xã KV III	5	800	
44	Lò Gia Huy	2019	Lò Văn Ly	160.000	Xã KV III	5	800	
45	Lò Thiên Bình	2019	Lò Văn Yên	160.000	Xã KV III	5	800	
46	Lò Triệu Phong	2019	Lò Văn Xinh	160.000	Xã KV III	5	800	
47	Lò Tuấn Kiệt	2019	Lò Văn Thìn	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ, Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKK T-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
48	Trịnh Quang Hiếu	2019	Lò Thị Phong	160.000	Xã KV III	5	800	
49	Nguyễn Đỗ Khánh Ngân	2019	Nguyễn Duy Trường	160.000	Xã KV III	5	800	
50	Lò Thị Bảo Ngọc	2020	Lò Văn Phong	160.000	Xã KV III	5	800	
51	Vì Đức Vượng	2020	Lò Thị Hiêng	160.000	Xã KV III	5	800	
52	Lò Phú Sang	2020	Lò Thị Sọn	160.000	Xã KV III	5	800	
53	Lò Phúc Hưng	2020	Vì Thị Thơm	160.000	Xã KV III	5	800	
54	Lò Thị Phương Huyền	2020	Lò Thị Ngọc	160.000	Xã KV III	5	800	
55	Lò Diệu Anh	2020	Lò Văn Diên	160.000	Xã KV III	5	800	
56	Vì Thị Phương Dung	2020	Vì Văn Minh	160.000	Xã KV III	5	800	
57	Lò Xuân Phúc	2020	Vì Thị Biên	160.000	Xã KV III	5	800	
58	Quảng Thị Trà My	2020	Lò Thị Khăm	160.000	Xã KV III	5	800	
59	Vì Đình Thắng	2021	Vì Thị Thủy	160.000	Xã KV III	5	800	
60	Lò Thị Duyên Hồng	2021	Lò Văn Bình	160.000	Xã KV III	5	800	
61	Lò Thị Minh Thủy	2021	Vì Thị Xôm	160.000	Xã KV III	5	800	
62	Lò Thị Phương Duyên	2021	Lò Thị Thanh	160.000	Xã KV III	5	800	
63	Lò Kim Ly	2021	Lò Văn Quý	160.000	Xã KV III	5	800	
64	Lò Trường Giang	2021	Lò Thị Hà	160.000	Xã KV III	5	800	
65	Lường Hạo Nhiên	2019	Lường Văn Hạnh	160.000	Xã KV III	5	800	
66	Pít Quang Khải	2019	Pít Văn Thủy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
67	Lường Duy Nhất	2019	Lường Văn Một	160.000	Xã KV III	5	800	
68	Cút Thị Thủy Phương	2019	Cút Văn Chung	160.000	Hộ nghèo	5	800	
69	Lường Anh Tuấn	2020	Cút Thị Nghiêm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
70	Cút Thị Hồng Duyên	2020	Cút Thị Lanh	160.000	Xã KV III	5	800	
71	Cút Thị Ngọc Linh	2021	Cút Văn Chung	160.000	Hộ nghèo	5	800	
72	Lò Minh Nga	2021	Lò Văn Vượt	160.000	Xã KV III	5	800	
73	Pít Thị Thanh Nhân	2021	Pít Văn Thủy	160.000	Hộ nghèo	5	800	
74	Lường Thị Hồng Duyệt	2021	Lường Thị Lới	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đôi tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
75	Lương Thị Thu Huyền	2021	Cút Thị Nghiêm	160.000	Hộ nghèo	5	800	
76	Mòng Thị Danh	2019	Mòng Văn Máng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
77	Lò Thành Đạt	2019	Lò Văn Pánh	160.000	Xã KV III	5	800	
78	Lương Thị Thu	2019	Lương Văn Oan	160.000	Xã KV III	5	800	
79	Lương Thị Diệp	2019	Lò Thị Lả	160.000	Xã KV III	5	800	
80	Lương Thị Hoa Anh Đào	2019	Lò Thị Lanh	160.000	Xã KV III	5	800	
81	Lương Duy Mạnh	2019	Lương Văn Tỉnh	160.000	Xã KV III	5	800	
82	Lương Thị Minh Thơm	2019	Lương Văn Nén	160.000	Xã KV III	5	800	
83	Lò Thị Giang	2019	Lò Văn Chung	160.000	Xã KV III	5	800	
84	Giăng Thị Kim Chi	2019	Giăng A Ly	160.000	Xã KV III	5	800	
85	Lò Văn Diệu	2020	Lò Văn Dũng	160.000	Xã KV III	5	800	
86	Lò Bảo Cư	2020	Lò Thị Thìn	160.000	Hộ nghèo	5	800	
87	Lương Thị Mai Thanh	2020	Lò Thị Lanh	160.000	Xã KV III	5	800	
88	Lương Thị Bát Quả	2020	Lương Thị Canh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
89	Lương Thị My Ngân	2020	Lương Văn Nhọt	160.000	Hộ nghèo	5	800	
90	Lò Văn Đoàn	2020	Lò Văn Nương	160.000	Xã KV III	5	800	
91	Lương Thị Quỳnh	2020	Lương Thị Lun	160.000	Hộ nghèo	5	800	
92	Lò Minh Thuê	2020	Lò Văn Tiết	160.000	Xã KV III	5	800	
93	Lương Văn Kiệt	2020	Lương Văn Quyển	160.000	Hộ nghèo	5	800	
94	Mòng Bích Phương	2021	Mòng Văn Máng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
95	Lò Thị Kim Duyên	2021	Lò Thị Chiêng	160.000	Hộ nghèo	5	800	
96	Lương An Phong	2021	Lò Thị Lợi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
97	Lò Minh Hiếu	2021	Lò Văn Lâm	160.000	Xã KV III	5	800	
98	Lương Thành Đỏ	2021	Lương Văn Cản	160.000	Hộ nghèo	5	800	
99	Lò Thị Hồng Diệu	2021	Lò Văn Trạ	160.000	Hộ nghèo	5	800	
100	Lương Xuân Quý	2019	Lò Thị Liên	160.000	Xã KV III	5	800	
101	Lò Thị Hiền Trang	2019	Lương Văn Thủy	160.000	Xã KV III	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, ĐKKT-XHĐBK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
102	Lò Xuân Bắc	2019	Lò Văn Lã	160.000	Xã KV III	5	800	
103	Lường Anh Thuận	2019	Lường Văn Châm	160.000	Xã KV III	5	800	
104	Lường Thị Ngọc	2019	Lường Thị Bớt	160.000	Hộ nghèo	5	800	
105	Lò Thị Tiểu Nhất	2020	Lò Văn Hặc	160.000	Hộ nghèo	5	800	
106	Lò Thị Mai Hương	2020	Lường Thị Thanh	160.000	Xã KV III	5	800	
107	Lường Thị Minh Trang	2020	Lường Văn Thời	160.000	Xã KV III	5	800	
108	Lường Thị Hồng Vỹ	2021	Lò Thị Liên	160.000	Xã KV III	5	800	
109	Lường Duy Huân	2021	Lường Văn Hoan	160.000	Xã KV III	5	800	
110	Lường Thanh Hưng	2021	Lường Thị Lâm	160.000	Xã KV III	5	800	
111	Lò Thị Thanh Chúc	2021	Lường Thị Thanh	160.000	Xã KV III	5	800	
112	Mòng Tuấn Điệp	2019	Mòng Văn Tân	160.000	Xã KV III	5	800	
113	Lò Văn Dương	2019	Lò Văn Phương	160.000	Xã KV III	5	800	
114	Lường Văn Vương	2019	Lường Thị Bình	160.000	Xã KV III	5	800	
115	Lò Văn Hiếu	2019	Lò Thị Ban	160.000	Xã KV III	5	800	
116	Lường Thị Giao Duyên	2019	Lường Thị Thăm	160.000	Xã KV III	5	800	
117	Lò Thị Thanh Vân	2020	Lò Văn Hương	160.000	Xã KV III	5	800	
118	Lò Thanh Thúy	2020	Lò Thị Lun	160.000	Xã KV III	5	800	
119	Lò Thị Hồng Diễm	2020	Lò Văn Cương	160.000	Xã KV III	5	800	
120	Lò Thị Huyền Trang	2020	Sèo Thị Nén	160.000	Xã KV III	5	800	
121	Lường Gia Phú	2021	Lường Văn Quyết	160.000	Xã KV III	5	800	
122	Lường Duy Quyền	2021	Lường Thị Thăm	160.000	Xã KV III	5	800	
123	Lò Văn Khá Bánh	2021	Lò Văn Hương	160.000	Xã KV III	5	800	
124	Lò Lan Chi	2021	Quảng Thị Nga	160.000	Xã KV III	5	800	
125	Lò Thị Ngọc Phương	2021	Lò Văn Nguyệt	160.000	Hộ nghèo	5	800	
126	Lò Thị Thanh Thúy	2021	Lò Văn Thường	160.000	Xã KV III	5	800	
127	Lường Duy Khánh	2019	Lường Văn Đêm	160.000	Xã KV III	5	800	
128	Lò Thị Tâm Như	2019	Lò Văn Khởi	160.000	Hộ nghèo	5	800	

TT	Họ và tên	Năm sinh	Họ tên Cha (mẹ) người giám hộ. Là người đứng tên chủ TK thanh toán qua tài khoản	Số tiền được hỗ trợ/tháng	Đối tượng (Hộ nghèo, cận nghèo, DKKT-XHDBKK, mồ côi, con liệt sỹ, Khuyết tật)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ 5 tháng đầu năm 2025	Ghi chú
129	Cút Tuấn Hải	2020	Cút Văn On	160.000	Hộ nghèo	5	800	
130	Lương Thị Hồng Phương	2020	Cút Văn Thor	160.000	Xã K V III	5	800	
131	Lò Thị Phương Thảo	2021	Lò Văn Khởi	160.000	Hộ nghèo	5	800	
132	Lương Thu Hiền	2021	Lương Văn Vinh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
133	Lò Thị Lan Phương	2019	Lò Thị Xanh	160.000	Xã K V III	5	800	
134	Lương Tiểu Thuyết	2020	Lương Văn Anh	160.000	Hộ nghèo	5	800	
135	Lò Thị Minh Duyên	2020	Lương Văn Khut	160.000	Hộ nghèo	5	800	
136	Lò Thị Hồng Thúy	2021	Lò Văn Cường	160.000	Hộ nghèo	5	800	
137	Lò Thị Ngọc Huyền	2021	Lò Thị Tương	160.000	Hộ nghèo	5	800	
138	Bùi Tuấn Kiệt	2021	Lò Văn Hiền	160.000	Hộ nghèo	5	800	
139	Lương Thị Kiều	2021	Lương Thị Tâm	160.000	Hộ nghèo	5	800	